

Chú Đại Bi giảng giải

Hòa Thượng TUYÊN HÓA

Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Đại Bi Tâm Đà La Ni Thần Chú

Nam mô hắc la đất na đa la dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bác ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất toả.

Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị da, bà lô kiết đế, thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu thân bằng, a thệ dụng, tát bà tát đa, na ma bà già, ma phạt đạt đậu, đát điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng, cu lô cu lô, kiết mông độ lô độ lô, phạt xà ra đế, ma ha phạt xà da đế, đà ra đà ra, địa rị ni, thất phạt ra da, dá ra dá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ, y hê di hê, thất na thất na, a ra sâm phạt ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, phạt ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ, di đế rị dạ na ra cẩn trì địa rị sắc ni na, ba dạ ma na ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, ma ha tất đà dạ ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lợi thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đất na, đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha.

Án tất điện đô, mạng đa ra, bạt đà dạ, ta bà ha.

**Thủ Nhãn thông thiên đại tổng trì
Chấn động tam thiên thế giới thời
Hữu duyên vô duyên hàm nhiếp hóa
Từ bi phổ độ diêm phù đề .**

Chú Đại Bi giảng giải

Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng vào năm 1969 tại Phật Giáo Giảng Đường tại Tam Phan Thị (San Francisco)

Chú Đại Bi, vốn chẳng có cách gì giảng được, vì Chú là mật ngữ bí mật. Nếu muốn biết ý nghĩa của Chú Đại Bi thì trước hết tôi nói một bài kệ. Bài kệ này nói về Chú Đại Bi :

"Đại bi đại Chú thông thiên địa
Nhất bách nhất thiên thập vương hoan
Đại bi đại từ năng khử bệnh
Nghiệt kính nhất chiếu biến cao huyền".

"Đại bi đại Chú thông thiên địa" : Bạn đọc Chú Đại Bi thì trên trời cũng chấn động, dưới đất cũng chấn động, thông thiên triệt địa.

"Nhất bách nhất thiên thập vương hoan" : Mỗi ngày bạn tụng 108 biến, tụng một ngàn ngày ; một năm có 365 ngày, một ngàn ngày tức khoảng ba năm. Bạn tụng ba năm mà mỗi ngày tụng chẳng gián đoạn. Mỗi ngày lúc nào bạn tụng Chú Đại Bi thì nhất định tụng vào lúc đó, dù bận thế nào bạn cũng tụng 108 biến. "Thập vương" là mười ông vua ở dưới địa ngục, còn gọi là Thập Điện Diêm Vương, các vị ấy đều vui mừng, đó gọi là "Nhất bách nhất thiên thập vương hoan".

"Đại từ đại bi năng khử bệnh" : Vì sao Chú Đại Bi gọi là Chú Đại Bi ? Vì "bi hay cứu khổ", hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh ; đó là "cứu khổ ban vui", cho nên gọi là Chú Đại Bi. Cứu khổ ban vui, chủ yếu là có thể trị bệnh ; bất cứ có bệnh gì, bạn tụng Chú Đại Bi thì bệnh đều khỏi hẳn. Có người nói : "Tôi tụng Chú Đại Bi sao bệnh không khỏi hẳn ?" Vì bạn chẳng thành tâm ; nếu bạn thành tâm, thì nhất định sẽ có cảm ứng của Chú Đại Bi.

"Nghiệt kính nhất chiếu biến cao huyền" : Mỗi ngày bạn tụng 108 biến mà tụng một ngàn ngày, tức cũng khoảng thời gian ba năm, thì mười ông vua Diêm Vương đều vui mừng, bệnh gì cũng đều có thể trị được. Lúc đó bạn lập được rất nhiều công ; vì trong thời gian ba năm, hằng ngày bạn đều tụng Chú, chẳng tạo nghiệp. Dưới địa ngục có một tấm gương gọi là "nghiệt kính đài", bất cứ bạn tạo tội nghiệp gì thì đều hiển hiện ra ở trong tấm gương đó, giống như màn ảnh truyền hình. Một đời bạn làm gì, như bạn giết người thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra tình hình bạn giết người ; bạn trộm cắp vật của người thì trong tấm gương đó sẽ hiện ra cảnh tượng bạn trộm cắp ; nếu bạn đi đốt nhà phóng lửa thì

trong tấm gương đó sẽ hiện ra nghiệp bạn đã làm. Nếu bạn chẳng có nghiệp gì thì sao ? Thì trong tấm gương đó chẳng có cảnh giới gì để hiện ra. Cho nên trong ba năm bạn tụng Chú Đại Bi, nếu chẳng uống rượu, chẳng ăn thịt, chẳng ăn ngũ tân (hành, hành tây, hẹ, tỏi, nén) thì khi tấm gương "nghiệt kính đài" chiếu lên thì bạn chẳng có nghiệp chướng gì ; ở dưới địa ngục cho bạn mang tấm bảng nói rằng : "Người đó tụng trì Chú Đại Bi, đã tiêu trừ nghiệp của họ, tất cả quỷ thần dưới địa ngục thấy người đó đều cúi đầu đánh lễ cung kính như chư Phật ba đời và đều bảo hộ người đó như bảo hộ tất cả chư Phật, và cũng đi khắp nơi nói với các quỷ thần khác rằng thấy người đó đừng có nhiễu loạn họ". Cho nên Chú Đại Bi có oai lực như thế, thật là không thể nghĩ bàn. Bây giờ giảng về Chú Đại Bi.

1. Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia.

Chúng ta thường niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", "Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật"; niệm thì niệm, vậy cứu kính hai chữ "Nam Mô" nghĩa là gì ? Rất ít người biết. Trước kia tôi từng hỏi nghĩa hai chữ "Nam Mô" như thế nào ? Chẳng có ai trả lời được như ý, họ đều chẳng biết.

"Nam Mô" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "quy y", cũng là "quy mạng kính đầu". Quy mạng là đem mạng sống của mình giao cho Phật, mình chẳng cần ; Phật kêu ta sống thì ta sống, kêu ta chết thì ta chết, nghe sự chỉ đạo của Phật. Kính là cung kính ; đầu là nương tựa. Kính đầu tức là cung kính nương tựa vào Phật. Chúng ta quy mạng tức là thân của chúng ta cũng quy y cho Phật, tâm cũng quy y cho Phật ; thân tâm đều quy y cho Phật.

"Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia": Nói tổng quát tức là mười phương vô lượng vô tận Tam Bảo, trên hình vẽ nói là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Tuy là bốn thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là quy y mười phương chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.

Niệm câu Chú này ra chẳng phải chỉ kêu ta quy y mười phương vô tận thường trụ Tam Bảo, mà cũng khiến cho tất cả chúng sinh nghe được câu mật ngữ này thì đều quy mạng nương tựa vào mười phương ba đời vô tận vô tận thường trụ Tam Bảo. Tam Bảo như bạn đã biết là Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Bạn phải biết, trên thế gian cao quý nhất là Phật Bảo, cao quý nhất là Pháp Bảo, cao quý nhất cũng là Tăng Bảo. Chẳng có gì cao quý hơn bằng Tam Bảo. Chẳng những trong thế gian, mà dù xuất thế gian cho đến cõi trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ cũng chẳng cao quý bằng Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. Cho nên trong mười pháp giới thì pháp giới của Phật là cao nhất. Cao nhất là Tam Bảo, nên chúng ta phải quy y, phải cung kính, phải tin nhận, đừng có tư hào tâm hoài nghi; phải sinh tâm tin sâu sắc.

Quy y Tam Bảo có lợi ích gì ? Quy y Phật thì chẳng đọa địa ngục; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngã quý; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Đó là nói sơ về quy y Tam Bảo.

Song, bạn quy y thì phải làm các điều lành mới được, nếu bạn vẫn giống như trước, sát sinh giết người, phóng hỏa, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, chẳng có gì mà chẳng làm thì bạn chẳng tránh khỏi ba đường ác. Vì trong Phật pháp chẳng nói gì đến nhân tình. Chẳng phải nói : "Bạn đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng. Quy y Phật thì chẳng đọa vào địa ngục ; quy y Pháp thì chẳng đọa làm ngã quý ; quy y Tăng thì chẳng đọa làm súc sinh. Vậy thì bạn cứ tùy tiện muốn làm gì thì làm", chẳng phải vậy. Bạn phải cải ác hướng thiện, vĩnh viễn không làm việc xấu nữa mới được. Nếu bạn vẫn làm việc xấu thì vẫn đọa địa ngục như nhau. Chẳng giống như các ngoại đạo khác nói : "Chỉ cần bạn tin Chúa thì dù bạn tạo tội nghiệp cũng được lên Thiên đàng ; nếu bạn chẳng tin Chúa, thì dù bạn làm công đức cũng đọa địa ngục". Chẳng phải đạo lý như thế. Dù bạn tin Phật, nếu bạn tạo tội nghiệp thì nhất định cũng đọa địa ngục như nhau ; dù bạn chẳng tin Phật, nhưng nếu bạn làm công đức, cũng được sinh về cõi trời như nhau. Phật pháp chẳng phải là một thứ đạo lý mê hoặc lòng người, nói : "Người phải tin ta thì muốn gì cũng đều được", chẳng phải như thế. Bạn tin Phật cũng phải đừng tạo tội nghiệp mới được ; nếu bạn tạo tội nghiệp thì vẫn bị đọa địa ngục như thường. Tức nhiên đọa địa ngục như nhau, vậy tại sao còn phải quy y Tam Bảo ? Quy y Tam Bảo thì bạn phải cải ác hướng thiện, sửa đổi lỗi lầm, làm con người mới, từ nay về sau chỉ làm việc lành, chẳng làm việc xấu nữa, như thế thì mới được lợi ích. Cho nên câu này là quy y mười phương vô tận vô tận Tam Bảo.

Bạn niệm câu Chú này thì bạn cũng được tiêu tai. Bạn có tai nạn gì, mà thường niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì tai nạn của bạn sẽ được giải trừ, tai nạn lớn thì sẽ biến thành tai nạn nhỏ, tai nạn nhỏ thì sẽ biến thành chẳng có tai nạn. Cho nên đây là " pháp tiêu tai ".

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" còn là " pháp tăng ích ". Pháp tăng ích tức là bạn vốn đã có căn lành rồi mà bạn niệm Chú này thì căn lành của bạn càng tăng thêm, đắc được lợi ích càng nhiều, cho nên gọi là pháp tăng ích.

Bạn thường niệm Chú Đại Bi, niệm riêng một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", thì bất cứ bạn muốn gì, mong cầu gì, bạn sẽ được sở cầu như ý, sở nguyện toại tâm, đây là "pháp thành tựu ". Bạn cầu gì cũng đều sẽ thành công. Ví như chẳng có con, muốn cầu con thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì sẽ được con. Chẳng có bạn trăm năm mà bạn muốn tìm một người bạn tốt thì bạn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" thì cũng sẽ được người bạn tốt. Song, bạn phải thành tâm, chẳng phải niệm một ngày, hai ngày, mà ít nhất bạn phải niệm ba năm. Nếu bạn niệm hết toàn bài Chú thì càng

tốt, nếu không niệm hết thì niệm một câu "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" cũng thành tựu công đức không thể nghĩ bàn.

Giống như tại Đông Bắc bên Trung Quốc, có một thứ ngoại đạo gọi là 'Lý môn'. Chúng chẳng niệm gì khác, chỉ niệm một câu này. Vị lãnh tụ tối cao ngồi ở đó thọ người lễ lạy, ai ai cũng đều cúi đầu lạy anh ta. Trong tâm anh ta chỉ chuyên môn niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia", đó là pháp linh cảm của Lý môn. Một vị ngồi kế bên anh ta gọi là 'lãnh chánh', còn vị nữa gọi là 'bang chánh', ba người ngồi ở tại đó, giống như là 'phóng diệm khẩu' (chấn tế cô hồn). Đó tức là Lý môn. Nếu có ai đi "tại lý" thì anh ta truyền một câu mật ngữ. Câu mật ngữ này kêu bạn duỗi tay ra, tức là "Quán, Thế, Âm, Bồ, Tát", chỉ mấy chữ ; tại lý xong rồi thì coi như đã "triện thượng", triện thượng rồi thì về sau chẳng cần mở miệng niệm; phải niệm ở trong tâm : "Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát", chẳng niệm ra lời. Câu pháp này "phụ tử bất qua, thê tử bất truyền", giữa cha và con cũng không thể truyền, dù vợ chồng cũng không được nói. Đắc được năm chữ này rồi thì gọi là "ngũ tự chân ngôn". Sau đó lại bảo bạn "tại lý", không niệm như vậy nữa mà phải "bế khẩu tàng thiết", cầm miệng, lưỡi thì ẩn nấu đi ; "thiệt tiêm đình thượng ngạc", "khí khác tâm niệm", niệm ở trong tâm; "ý căn pháp hiện". Đây nói thật là hảo diệu, hảo thần mật. Tại phương bắc có một cái hội gọi là "giới yên tửu hội", hội này chủ yếu là không uống rượu, không hút thuốc, tức gọi "tại lý công sở". Ở Trung Quốc gần hơn một trăm năm đến nay "công sở đạo" rất là thịnh hành, họ nương vào câu Chú này. Làm Pháp sư ngồi tại chánh tòa "tòa lý" niệm "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia". Vì trước kia những nơi này tôi đều đã đi qua cho nên tôi đều biết.

Câu Chú này cũng là " pháp hàng phục ", hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo nghe thấy câu Chú này thì đều bỏ chạy, Song, chẳng phải là " pháp câu triệu "; pháp câu triệu tức là một khi niệm câu Chú này thì bắt thiên ma quỷ quái lại. Cho nên câu Chú "Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" này có công năng không thể nghĩ bàn; nếu nói ra nhiều thì vô cùng vô tận.

"Nam Mô Hắc La Đất Na Đa La Dạ Gia" : Nam Mô : Là "quy mạng kính đầu", Hắc La Đất Na : Là "Bảo"; Đa La Dạ : Là "Tam"; Gia : Là "lễ". Hợp lại nghĩa là nói dùng thân tâm tính mạng của chúng ta quy y cho mười phương ba đời vô tận vô tận Tam Bảo, chúng ta cúi đầu đánh lễ Tam Bảo.

Vô tận là gì ? Chư Phật quá khứ chẳng cùng tận, chư Phật hiện tại chẳng cùng tận, chư Phật vị lai cũng chẳng cùng tận; đó gọi là vô tận Tam Bảo.

2. Nam Mô A Lợi Gia.

"Nam Mô" : Nghĩa vẫn giống như ở trước, tức là "quy y kính đầu".

"A Lợi Gia": 'A Lợi' dịch là "bậc Thánh"; Bậc Thánh còn có một ý nghĩa là "xa lìa tất cả pháp ác bất thiện". Pháp ác bất thiện là đủ thứ các điều ác. "Gia" vẫn là "lễ". Kính lễ bậc Thánh, đó là ý nghĩa "A Lợi Gia".

3. Bà Lô Yết Đế Thước Bát La Gia.

"Bà Lô Yết Đế": Dịch ra nghĩa là gì ? Tức là "Quán" của Quán Thế Âm Bồ Tát, còn dịch là "quang", tức là quang minh biến chiếu. Còn có một lối dịch khác nữa gọi là "sở quán sát"; sở quán sát cảnh giới này.

"Thước Bát La Gia": Nghĩa là "tự tại", câu này hợp lại là "Quán Tự Tại", cũng là Bồ Tát Quán Tự Tại.

4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Gia.

"Bồ Đề": Chúng ta ai cũng biết bồ đề tức là giác, tiếng Phạn gọi là "bồ đề", giác ở đây là giác ngộ.

"Tát Đỏa": Tức là "độ". Bồ Đề Tát Đỏa nói đơn giản là "Bồ Tát", tức là chúng sinh tự giác tự độ; tự mình giác ngộ, tự mình độ mình.

"Bà Gia": Là "đánh lễ"; "Gia": Nghĩa là cúi đầu đánh lễ. Cúi đầu đánh lễ ai ? Cúi đầu đánh lễ Bồ Tát tự giác tự độ". Câu này nói về "Bất Không La Tác Bồ Tát áp đại binh". Khi bạn tụng câu Chú này thì Bồ Tát Bất Không La Tác mang thiên binh thiên tướng đến để bảo vệ bạn.

5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Gia.

"Ma Ha": Là "đại", là "nhiều", là "thắng". "Ma Ha" là nói người phát đại bồ đề tâm; rất nhiều người phát đại bồ đề tâm, đều đắc được thành tựu, được thắng lợi. Có ba ý nghĩa này.

"Tát Đỏa": "Tát Đỏa" ở đây với Tát Đỏa ở trước nghĩa chẳng giống nhau. "Tát Đỏa" ở trước nghĩa là "độ"; "Tát Đỏa" ở đây nghĩa là "bậc dũng mãnh", tức cũng là 'bậc tinh tấn', chúng sinh tu hành rất dụng công tinh tấn.

"Bà Gia": Tức là "hướng về Ngài đánh lễ". Tôi hướng về vị Bồ Tát phát bồ đề tâm đó, vị dũng mãnh tinh tấn đó để cúi đầu đánh lễ. Đây là ý nghĩa mấy đoạn Chú ở trên đây, tức là nói về Bồ Tát hay tự mình giác ngộ rồi, chúng sinh tự mình độ mình và còn giác ngộ kẻ khác, độ tất cả chúng sinh khác.

6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Gia.

"Ma Ha": Nghĩa vẫn là "đại, nhiều, thắng", ba ý nghĩa. "Ca Lô": Là "bi", "Ni Ca": Là "tâm". Hợp lại tức là "Đại Bi Tâm". "Gia": Vẫn là "đánh lễ". Ý nói chúng ta phải đánh lễ Đại Bi Tâm Đà La Ni Thần Chú.

7. Ân.

Chữ "Ân" này dịch ra gọi là "bồn mầu", "bồn" tức là căn bồn, mầu tức là mầu thân. "Bồn mầu" này tức cũng là "Chú mầu"; "Chú mầu" tức cũng là "Phật mầu"; "Phật mầu" tức cũng là "tâm mầu của chúng sinh". Vì tâm mầu của chúng sinh đầy đủ bồn mầu trí huệ; nhờ sức của Chú này mà hay sinh ra mười thứ pháp môn :

Thứ nhất là "tự".

Thứ hai là "cú", tức là Kinh điển hoặc là Chú, từng câu từng câu.

Thứ ba là "quán", quán xem; bạn dùng sự quán sát để tu hành.

Thứ tư là "trí", trí huệ; dùng kiếm trí huệ chặt đứt tất cả phiền não. "Trí" là Bát Nhã Ba La Mật môn, "quán" tức cũng là thiền Ba La Mật môn.

Thứ năm là "hành", tu hành; chiếu theo pháp này để tu hành.

Thứ sáu là "nguyện", bạn phải phát nguyện chiếu theo pháp này để tu hành.

Thứ bảy là phải "y giáo tu hành" ; y chiếu theo Phật Giáo để tu hành. Nếu bạn chẳng y chiếu theo Phật Giáo để tu hành thì dù bạn tu hành trải qua số kiếp nhiều như cát như bụi, cũng giống như nấu cát muốn thành cơm, chẳng khi nào thành tựu. Nếu bạn muốn y giáo tu hành thì phải minh bạch giáo lý.

Thứ tám là "lý", đạo lý; nếu bạn hợp với diệu lý Phật pháp thì mới minh bạch. Nếu bạn chẳng hợp với diệu lý Phật pháp thì bạn như người mù luyện đui, tu đến lúc nào cũng chẳng ích gì, cũng không thể thành tựu.

Thứ chín là "nhân"; bạn còn phải trồng nhân tốt, trồng nhân lành, trồng nhân thù thắng, trồng nhân thanh tịnh thì tương lai mới có kết quả tốt.

Thứ mười là "quả"; tức là kết diệu quả, kết Thánh quả, kết quả giác cứu kính. Từ chữ "Úm" này mà sinh ra mười thứ pháp môn thù diệu. Cho nên khi bạn niệm Chú Đại Bi, một khi niệm đến chữ "Úm" này thì tất cả quỷ thần đều phải chấp tay lại cung kính, một chút cũng không dám giải đãi, một chút cũng không

dám cầu thả để nghe bạn tụng Chú Đại Bi. Cho nên khi bạn tụng Chú Đại Bi đến chữ "Úm" này thì bất cứ là ác thần, ác quỷ, ác phong gì cũng đều phải giữ quy cụ, tức có oai lực như thế.

8. Tát Bàn La Phạt Duệ.

"Tát Bàn La": Dịch là "tự tại". Bạn tụng trì câu Chú này thì Tứ Đại Thiên Vương đều đến làm hộ pháp. "Phạt Duệ": Nghĩa là "Thế Tôn", cũng gọi là "Thánh Tôn". Đây là Tự Tại Phật, câu Chú này là Phật Bảo.

9. Số Đát Na Đát Toả.

"Số Đát Na": Là "Pháp". Pháp gì ? Tức gọi là "diệu thắng xứ", tức cũng là "diệu thắng pháp". Lại gọi là "cao thượng thắng sinh". Cao ở đây chẳng có gì cao hơn được ; thượng cũng chẳng có gì sánh với Pháp thượng thắng này; thắng sinh là do thắng lực sinh ra pháp. Đây là một lối phiên dịch.

Còn có lối phiên dịch khác, tức là "diệu thắng, thắng thân". Diệu thắng này là thắng vi diệu, thắng thân là một pháp.

Còn có lối phiên dịch khác gọi là "tối thượng thừa địa". Sẽ đắc được cảnh giới thập địa tối thượng thừa này về sau.

Ở trước, "Tát Bàn La" là Phật Bảo, "Số Đát Na" là Pháp Bảo, "Đát Toả" là Tăng Bảo; đây cũng là Tam Bảo, tức là thỉnh mời hết Tam Bảo đến gia hộ cho bạn, ai tụng trì Chú này thì thỉnh nguyện Tam Bảo đến bảo hộ cho người đó.

"Đát Toả": Tức là dùng giáo lý để sai khiến tất cả quỷ thần, tức cũng là dùng câu Chú này để sai bảo tất cả quỷ thần, tức có hai ý nghĩa.

10. Nam Mô Tát Kiết Lật Đỏa Y Mông A Lợi Gia.

Câu này nói về ý nghĩa gì ? Trên cũng Nam Mô, dưới cũng Nam Mô, Nam Mô, Nam Mô, cứ Nam Mô người mà chẳng Nam Mô mình. Người tu đạo chẳng cần đi Nam Mô người mà phải Nam Mô chính mình. Nam Mô ở đây vẫn là chính mình tự quy y mười phương vô tận Tam Bảo. "Tát Kiết Lợi": Là "hoàn toàn"; nghĩa là "hoàn toàn đánh lể".

"Đỏa Y Mông": Nghĩa là gì ? Tức là "ta"; kêu bạn hoàn toàn đánh lể bạn. Cái "ta" ở đây là "ta" chẳng phải ta (vô ngã), chẳng phải ta "có cái ngã". Sao chẳng có bạn ? Tức là họ đánh bạn, bạn cũng chẳng biết đau; họ mắng bạn, bạn cũng vẫn tự nhiên, cũng giống như chẳng có việc gì xảy ra, không nhất định phải

nhẫn, nếu bạn dùng "nhẫn nhục" thì đã rơi vào 'đệ nhị nghĩa'; cho dù nhẫn cũng chẳng cần, cần bản chẳng có nhẫn để nhẫn, đó gọi là ta chẳng phải ta.

"A Lợi Gia": Ở trước đã giảng qua, tức là "Bậc Thánh"; nghĩa là phải hoàn toàn đánh lễ Bậc Thánh của ta, tức là tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát, tất cả Thiên Long Bát Bộ. Nghĩa là phải đánh lễ Bậc Thánh của ta chẳng phải ta. Bậc Thánh đó rất nhiều, là ai ? Sẽ nói với bạn ở sau.

11. Bà Lô Kiết Đế Thất Phật La Lăng Đà Bà.

"Bà Lô Kiết Đế": Nghĩa cũng là "Quán"; "Thất Phật La": Là "Tự Tại", còn gọi là "Thế Âm". Câu này nghĩa là "Quán Thế Âm", cũng là "Quán Tự Tại". "Quán Tự Tại", "Quán Thế Âm" này, không nhất định nói Quán Thế Âm Bồ Tát mới gọi là Quán Thế Âm, Quán Tự Tại. Nếu bạn tự tại thì bạn là "Quán Tự Tại"; nếu bạn hay cứu độ chúng sinh thì bạn là "Quán Thế Âm". Cho nên nếu bạn hay chiếu theo pháp học này thì bạn là hóa thân của Quán Thế Âm; tôi chiếu theo pháp học này thì tôi là hóa thân của Quán Thế Âm.

"Lăng Đà Bà": Dịch là "hải đảo", tức là nơi trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm, tức cũng là "Phổ Đà Sơn" ở Trung Quốc.

Phổ Đà Sơn dịch là "Tiểu Bạch Hoa Sơn", vì trên núi đó có loài hoa tiểu bạch nở. Nơi đây có một tảng đá tạo cung điện gọi là "cung từ ái", tức là cung điện chỗ ở của Bồ Tát Quán Thế Âm, ở bên trong thánh diệu trang nghiêm giống như ở thiên cung, làm bằng bảy báu, song, không dễ gì đến được nơi đó.

Những gì nói ở trước là 'người từ bi', "Lăng Đà Bà" ở sau tức là 'cung từ bi'; cung điện từ bi, là cung điện trụ xứ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

12. Nam Mô Na La Căn Trì.

Đây là nói về mười thứ tâm của "Đại Bi Tâm Đà La Ni". Trong Kinh ở trước nói có mười thứ tâm, là tướng mạo của "Đà La Ni", nên y chiếu mười thứ tâm này để tu hành.

"Nam Mô": Ở đây vẫn là "quy mạng kính đầu". "Na La" dịch là "hiền"; "Căn Trì" dịch là "ái". Đây gọi là người tu hành hiền ái thiện hộ. Hiền ái thiện hộ tức cũng là đại từ bi tâm, tức cũng là tâm cung kính, tức cũng như ở trước có nói về vô thượng bồ đề tâm.

Na La Căn Trì : Là đại từ bi tâm, Na La Căn Trì cũng là tâm cung kính, Na La Căn Trì còn là vô thượng bồ đề tâm. Ý nghĩa câu này đại biểu cho ba thứ tâm.

13. Hê Rị Ma Ha Bàn Đa Sa Mế.

"Hê Rị": Dịch ra nghĩa là "tâm". Tâm này là tâm gì ? Tức là tâm chẳng nhiễm ô. Tâm chẳng nhiễm ô, tức cũng là tâm thanh tịnh. Nếu bạn có tâm tham, sân, si, mạn, nghi, đủ thứ tâm chẳng thanh tịnh thì biến thành tâm nhiễm ô. Hiện tại là tâm chẳng nhiễm ô.

"Ma Ha Bàn Đa Sa Mế". "Ma Ha" : Ý nghĩa vẫn là 'đại' (lớn). "Bàn Đa Sa Mế": Nghĩa như thế nào ? Tôi không nói ra thì chắc chắn bạn chẳng biết, cho nên tôi nói ra thì bạn mới biết. Một khi tôi nói ra thì bạn nói : "Ồ ! Thì ra là thế". Bạn sẽ biết ngay. Đại gì ? Đại quang minh. Còn có lối dịch khác nữa, nghĩa là gì ? Chữ "Ma Ha" đại này cũng có thể dịch thành chữ "trường", trường chiếu minh, luôn luôn chiếu sáng.

Có người nói : "Đại quang minh này, tôi đã nghe giảng Kinh rất nhiều lần". Song, trong Chú Đại Bi có ý nghĩa này, nếu tôi không giảng thì bạn đâu có biết. Tôi nói cho các bạn biết, Chú Đại Bi chẳng dễ gì gặp được người giảng cho các bạn nghe. Thật tình mà nói, vốn cũng chẳng có ai giảng được, chẳng ai biết Chú Đại Bi cứu kính như thế nào. Có người nói : "Vậy sao Hòa Thượng lại biết ?" Bạn đừng hỏi tôi, vì tôi chẳng hỏi bạn thì bạn không thể hỏi tôi sao tôi lại biết ? Tự nhiên tôi biết, nếu tôi không biết thì tôi đâu có giảng cho bạn nghe ? Bạn đừng có hỏi tôi sao tôi lại biết mà bạn phải hỏi chính bạn, sao bạn lại không biết ? Nếu bạn biết sao bạn lại không biết thì bạn sẽ biết sao tôi lại biết; nếu bạn không biết vì sao bạn lại không biết thì bạn cũng chẳng biết vì sao tôi lại biết, chỗ diệu là tại chỗ này.

Giống như có một người hỏi tôi : "Vì sao Hòa Thượng đi xuất gia ?" Tôi chẳng đáp tại sao tôi xuất gia mà tôi hỏi anh ta : "Vì sao anh không xuất gia ?" Nếu anh biết tại sao anh không xuất gia thì anh biết tại sao tôi xuất gia, cũng đồng đạo lý ấy. Bạn hỏi tôi sao tôi lại hiểu, bạn hãy tự hỏi bạn vì sao bạn không hiểu ? Thì bạn sẽ biết vì sao tôi hiểu.

Bây giờ các bạn gặp được sự giảng giải Chú Đại Bi, đều là người có căn lành lớn, cho nên các bạn phải tự mình bảo hộ căn lành của mình, tự mình thương tiếc căn lành của mình, tự mình lợi dụng căn lành cố hữu của bạn để học tập Phật pháp.

Hiện nay chúng ta sinh vào thời đại mạt pháp, tất cả chư Phật rất ít đến thế giới này, tất cả Bồ Tát cũng rất ít đến thế giới này. Vào thời đại mạt pháp, pháp đã đến đoạn cuối, chẳng dễ gì gặp được chánh pháp, cũng chẳng dễ gì gặp bậc tu hành. Cho nên lần này tôi nghĩ ở Đài Loan có Chùa mở đại giới đàn bèn giới

năm người (năm vị đệ tử người Mỹ đầu tiên) đến Đài Loan thọ giới. Năm người này sau khi thọ giới xong trở về nói : "Có rất nhiều người kêu họ đừng tu hành". Bạn nghĩ xem, chúng ta là chúng sinh, không tu hành thì làm sao có thể thành Phật đặng ? Làm sao không tu hành mà có thể liễu đạo được ? Nếu bạn chẳng tu hành mà có thể thành Phật, có thể liễu đạo được thì lúc ban sơ Phật cũng chẳng cần tu khổ hạnh, tham thiền đả tọa sáu năm ở tại núi Tuyết, sau đó đến dưới cội bồ đề ngồi bốn mươi chín ngày, ban đêm thấy sao mai mọc mà ngộ đạo. Đức Phật còn phải tu hành mới có thể thành Phật; chúng ta chúng sinh nếu không tu hành thì làm sao có thể thành Phật ? Ai ai cũng biết tu hành mới có thể thành Phật, song, người tu hành thì rất ít; ai ai cũng biết không tu hành thì sẽ đọa địa ngục, song, người chẳng tu hành thì không biết bao nhiêu mà nói. Thời đại mạt pháp, nếu chúng ta nghe thấy Phật pháp thì hãy dừng mãnh tinh tấn, từng giờ từng phút, đừng nên lười biếng, tinh tấn dụng công tiến về trước, mới có thể có sự thành tựu. Nếu chẳng dừng mãnh tinh tấn mà muốn thành tựu, thì không bao giờ có được. Cho nên mọi người đừng sợ khổ, đừng sợ khó khăn, trong sự bận rộn, phấn chấn tinh thần lên, phải hăng hái tu hành, dừng mãnh dụng công tiến về trước để nỗ lực học Phật pháp.

Phật pháp mà tôi nói rất diệu, song, nếu bạn chẳng tin thì đối với bạn cũng chẳng có ích lợi. Phật pháp mà tôi nói, nói đến nỗi chẳng có ý nghĩa gì hết, mà bạn thật tâm tu hành thì đối với bạn cũng là diệu pháp; diệu pháp mà tôi nói nếu bạn chẳng thực hành thì đối với bạn cũng chẳng phải là diệu pháp. Cho nên chúng ta tu hành phải từng giờ từng phút tinh tấn tiến về trước, đừng lùi về sau, đừng sinh tâm lười biếng, đây là điều quan trọng nhất. Nếu từng giờ từng phút bạn tinh tấn tiến về trước thì chắc chắn có một ngày bạn sẽ nhận ra bộ mặt thật của bạn.

Vào thời vua Lương Võ Đế, Thiên Sư Chí Công là bậc tu hành có đức hạnh, chẳng có ai biết cha mẹ của Ngài là ai. Một ngày nọ, có một phụ nữ nghe tiếng trẻ con khóc ở trên cây, bèn trèo lên cây thì thấy đứa bé nằm trong tổ chim ưng, bà ta bồng em bé về nhà nuôi dưỡng. Em bé này tướng mạo tựa như hình người, song, tay chân tựa như móng chim ưng. Lớn lên rồi xuất gia tu đạo, khai ngộ đắc ngũ nhãn lục thông. Vì chẳng có ai biết cha mẹ của Ngài là ai, lượm Ngài từ tổ chim ưng, cho nên một số người đều cho rằng Ngài từ trứng chim nở ra.

Vào thời đó, vua Lương Võ Đế rất tin tưởng Thiên Sư Chí Công, mà một số người khác cũng rất tin Ngài, bất cứ trường hợp gì, nào sinh đẻ, bạn bè chết, đám cưới, tang lễ .v.v., họ đều thỉnh mời Thiên Sư Chí Công đi tụng Kinh. Một lần nọ, có một gia đình giàu có thỉnh Thiên Sư Chí Công đến tụng Kinh cho cuộc hôn nhân và thỉnh Ngài trong cuộc hôn lễ nói vài câu cát tường, khiến cho cuộc hôn nhân thuận lợi tốt đẹp.

Thiền Sư Chí Công đến đó, vừa thấy chú rể và cô dâu bèn nói : "Cổ cổ quái, quái quái cổ, tôn tử thú tổ mẫu". Nghĩa là sự việc này xưa nay chẳng có, đây là sự việc chẳng tầm thường, việc rất kỳ quái, ai đời cháu lại cưới bà ngoại. Trên thế giới này, mọi người làm vợ chồng với nhau, làm cha con với nhau, làm mẹ con với nhau. Nếu bạn chẳng biết nhân duyên trong đời quá khứ thì bạn chẳng hiểu rõ tại sao ông nội của bạn trong kiếp trước, đời nay đến kết hôn với bạn ? hoặc là bà ngoại của bạn lại đầu thai làm con của bạn ? Đây hoàn toàn không nhất định.

Sự việc "cháu cưới bà ngoại" này, là vì trước khi bà ngoại qua đời, bà ta nói với mọi người : "Cháu của ta chẳng còn cha mẹ của nó, tương lai ai sẽ săn sóc cho nó ? Vợ tương lai của nó có tốt với nó chẳng ? Tôi thật rất lo cho nó lắm !". Lúc đó, bà ta nắm tay người cháu nói : "Cháu ơi ! Bà không đành bỏ cháu ra đi, bà chết rồi, cũng không nhắm mắt". Mắt không nhắm cũng vẫn chết, bà ta chết chẳng nhắm mắt. Đến trước mặt vua Diêm Vương, còn muốn yêu cầu săn sóc cho cháu của bà ta, nói : "Cháu của tôi, tôi thấy chẳng có ai săn sóc cho nó, tôi thật lo cho nó !" Vua Diêm Vương nói : "Tốt lắm, vậy thì bà về săn sóc cho nó !" Do đó lập tức cho bà ta đi đầu thai; lớn lên rồi thì cho bà ta làm vợ người cháu. Do đó gọi là "cháu cưới bà ngoại". Bà ngoại chẳng buông bỏ được người cháu, trở lại bèn làm vợ của người cháu, bạn nó có phải là cổ cổ quái, quái quái cổ chẳng ? hay là chẳng phải cổ cổ quái, quái quái cổ ?

Ngài Chí Công tại sao biết được? Vì Ngài Chí Công có ngũ nhãn lục thông, khi Ngài vừa gặp cô dâu chú rể thì cô dâu vốn là bà ngoại, vì bà ta một niệm buông xả chẳng đặng, cho nên phải trở lại làm vợ của người cháu.

Thiền Sư Chí Công lại nhìn mọi người thì thấy có một cô con gái cầm miếng thịt ăn, Ngài lại nói : "Con ăn thịt mẹ". Miếng thịt mà cô con gái đang ăn, vốn là thịt của mẹ cô đầu thai làm dê, bây giờ con dê này bị giết, cô ta cầm thịt dê này lên ăn.

Ngài liền nhìn người đánh trống bèn nói : "Con đánh trống cha". Da trống này chính là cha của anh ta đầu thai làm lừa, con lừa này bị giết, lấy da bịt làm trống.

Ngài lại nhìn vào các dãy bàn bèn nói : "Heo dê ngồi vào bàn". Những loài heo, dê này, kiếp trước bị họ ăn thịt, bây giờ đều tái sinh làm người, đều làm bà con, làm bạn bè với họ, cho nên đều đến nhà đó để dự hôn lễ.

"Lục thân nấu trong nồi", thân tộc bên cha, thân tộc bên mẹ, thân tộc bên anh bên em, tất cả bạn bè, thân hữu trước kia ăn thịt heo, thịt dê, bây giờ đều biến thành heo, dê, lại bị họ giết bỏ vào nồi nấu.

"Mọi người đến chúc mừng". Mọi người đến đó, thấy anh ta cười cô dâu đều nói : "Chúc mừng anh !" Người này đến chúc mừng, người kia đến chúc mừng, cảnh trạng như thế, "tôi thấy đó là khổ", tôi thấy cảnh trạng như thế, tức là tạo nghiệp; tạo nghiệp nghĩa tức là khổ.

Do Ngài Chí Công nhìn thấu nhân quả của gia đình đó. Gia đình đó thì như thế, còn những gia đình khác, làm sao mà biết chẳng phải như thế ? Cho nên người tu đạo thì phải cẩn thận; lúc trồng nhân không cẩn thận thì khi hết quả phải gánh lấy. Vậy con người tại sao lại làm người ? Chúng ta làm người là đến để trả nợ. Trả nợ gì ? Trả nợ luân thường, trả nợ nhân quả thế gian. Bạn còn món nợ này thì phải trả món nợ này, bạn không trả thì không được, cũng như chúng ta mượn tiền của người thì phải trả tiền cho người; bạn không trả thì nợ không dứt được. Con người trên thế gian cũng như thế.

Tôi lại nhớ đến một câu chuyện. Có một gia đình nợ nuôi một con lừa, hằng ngày bắt con lừa chuyên chở nặng nề. Anh ta thấy con lừa đi chậm thì hằng ngày đều dùng cây chổi tre đánh con lừa, ngày nào cũng đánh, kêu nó làm cho anh ta. Một đời làm xong rồi thì con lừa đó tái sinh làm người đàn ông; còn người đàn ông đánh con lừa đó thì tái sinh làm người đàn bà. Hai người này kết hôn với nhau. Kết hôn rồi bạn nói xảy ra chuyện gì ? Người đàn ông này suốt ngày cứ đánh người đàn bà này, bất cứ cầm cái gì thì đánh cái đó, hoặc là cầm đũa ăn cơm thì lấy đũa đánh, suốt ngày đánh chưởi nói cô ta làm gì cũng không đúng.

Một ngày nợ, Thiên Sư Chí Công đến thì cô ta bèn thưa rằng : " Chồng của con, không biết tại sao ngày nào cũng đánh con ? Ngài là người tu hành, đặc được ngũ nhãn lục thông, Ngài hãy xem nhân quả của chúng con như thế nào, tại sao ngày nào con cũng bị đánh ?" Thiên Sư Chí Công nói : " Chao ôi ! kiếp trước của con là người đàn ông, con dùng một con lừa để chuyên chở, mà con ngày nào cũng đánh con lừa đó, con lừa đó nay tái sinh làm chồng của con. Bây giờ con phải giải mở oán kết này, ta dạy con một phương pháp. Con hãy dọn dẹp hết đồ đạc lại, chỉ để lại một cây phát trần làm bằng đuôi ngựa. Con để cây phát trần ở đó thì anh ta thấy chẳng có gì khác để đánh, thì lấy cây phát trần đánh con; đánh con xong rồi thì con nói với anh ta, vì kiếp trước con là người đàn ông, còn anh ta là con lừa, vì bị con hằng ngày đánh, cho nên bây giờ anh ta cũng đánh con hằng ngày. Bây giờ anh ta dùng phát trần đuôi ngựa đánh con, chỉ một cái đánh thì có mấy trăm hèo. Cho nên anh ta đánh con một cái thì hôm nay đã trả xong món nợ trong quá khứ. Sau khi con nói rõ với anh ta thì anh ta sẽ không còn đánh con nữa".

Quả nhiên cô ta dọn hết đồ đạc lại, chồng của cô ta về cũng chẳng nói năng gì thì muốn đánh cô ta, đi tìm đồ để đánh thì chẳng thấy, chỉ thấy phát trần bằng đuôi ngựa bèn lấy đánh. Trước kia anh ta đánh thì cô ta chạy, song, lần này đánh thì cô ta ngồi tại chỗ chịu đánh. Khi anh ta đánh xong rồi thì anh ta hỏi : "Sao lúc trước tôi đánh thì bà bỏ chạy, còn hôm nay tôi đánh thì bà sao chẳng

bỏ chạy ?" Cô ta nói : "Ông không biết đâu, sợ dĩ ông đánh tôi là có tiền nhân hậu quả. Hôm nay Thiên Sư Chí Công đến đây, tôi thỉnh giáo Ngài, tại sao ngày nào ông cũng đánh tôi ? Thì Ngài nói với tôi, kiếp trước ông là một con lừa, còn tôi là một người đàn ông, nuôi con lừa đó dùng để chở đồ, vì con lừa đi chậm nên hằng ngày tôi đều đánh con lừa đó; kiếp này ông đầu thai làm người đàn ông, còn tôi biến thành người đàn bà, hai người kết hôn, cho nên hằng ngày ông đều đánh tôi. Ngài dạy tôi để cây phật trần ở đó, đợi ông về đánh tôi thì tôi đừng bỏ chạy. Hôm nay ông đánh xong rồi thì sự tình của chúng ta chẳng còn nữa, về sau chẳng còn đánh nữa". Người chồng nghĩ : "Thì ra là như thế, từ nay về sau tôi không đánh nữa, nếu ngày nay tôi đánh bà thì ngày sau bà sẽ đánh tôi". Từ đó về sau hai vợ chồng chẳng còn đánh nhau nữa.

Từ đó có thể thấy, trên thế gian này ai với ai có duyên hoặc không có duyên, ai với ai là vợ chồng, cha con, anh em thì trong quá khứ đều có nhân quả, cho nên đời này mới làm quyến thuộc. Nếu chúng ta minh bạch nhân quả thì hãy sửa đổi nhân quả; phải làm việc tốt, đừng làm việc xấu.

Lúc trước tôi có nói Thiên Sư Chí Công mỗi ngày ăn hai con bò câu, ngày nào cũng đều ăn như thế. Người làm bếp nghĩ rằng thịt bò câu chắc rất là ngon, một ngày nọ trong sự "hữu ý vô ý". Hữu ý vô ý là gì ? Nghĩa là muốn thưởng thức, ở đây có hai ý nghĩa : Một là không biết hôm nay nấu như thế nào ? Hai là cho rằng Thiên Sư Chí Công ngày nào cũng ăn bò câu, chắc chắn là rất ngon. Do đó, bèn thưởng thức rồi mới mang đến cho Ngài Chí Công. Ngài Chí Công ăn con bò câu này bèn hỏi : "Hôm nay ai ăn lén bò câu của ta ?". Người làm bếp nói : "Chẳng có ai ăn lén đâu". "Chẳng có ai ăn lén ? Chắc chắn là người ăn lén". Người nấu bếp chẳng chịu nhận, nói : "Tôi không ăn". Ngài Chí Công nói : "Người chẳng ăn ? Ta chứng cứ cho người xem thử người có ăn hay chẳng ?" Ngài bèn há miệng ra thì phun ra hai con bò câu, có một con bay được, còn một con chẳng có cánh, bay không được. Ngài nói : "Người xem đi, nếu người chẳng ăn lén cánh bò câu thì sao con bò câu này bay không được ? Vậy cánh của nó đâu?". Người làm bếp từ đó mới biết Ngài Chí Công chẳng phải là người tầm thường, là Bồ Tát hóa thân. Cho nên ăn bò câu nấu chín rồi mà vẫn có thể biến thành bò câu sống. Nếu chẳng phải cảnh giới của Bồ Tát thì sao lại có cảnh trạng này ?

Ngài Thiên Sư Chí Công vẫn thường thường ăn một loại cá, thứ cá này gọi là 'huệ ngư'. Ngài ăn cá này, cũng đã nấu chín ăn vào bụng, sau đó vẫn có thể phun ra biến thành cá sống. Đó là cảnh giới của bậc Bồ Tát, đó đều là việc rất bình thường. Giống như Ngài Chí Công Thiên Sư là Bồ Tát chân chánh. Song, Thiên Sư Chí Công vốn chẳng nói với ai rằng : "Bạn biết tôi chẳng ? Tôi là Bồ Tát, tôi muốn làm gì thì làm". Ngài chẳng bao giờ nói như thế. Cho nên chúng ta phàm phu thấy được Bồ Tát cũng chẳng nhất định biết rõ. Việc Bồ Tát làm với mọi người đều giống nhau, chỉ khác một chỗ là đa số mọi người làm chỉ biết

lợi mình, chẳng giúp đỡ người khác; còn Bồ Tát thì lợi ích cho kẻ khác. Cho nên Bồ Tát khác với phàm phu là ở chỗ này. Bồ Tát thì tự lợi lợi tha, tự giác tha, tự độ độ tha. Chúng ta giảng Chú Đại Bi, ý nghĩa trong Chú cũng đều là đạo lý này.

14. Tát Bà A Tha Đâu Du Bằng.

Câu Chú này phải chia ra ba câu để đọc, vì câu Chú này có ba ý nghĩa khác nhau.

"Tát Bà" : là tiếng Phạn, dịch là "tất cả". Tất cả ở đây nghĩa là "bình đẳng", do đó "Tát Bà" tức là nói "tâm bình đẳng".

"A Tha Đâu" : Cũng là tiếng Phạn, dịch là "giàu sướng không nghèo". Giàu là giàu có, sướng là sung sướng. Tại sao giàu có sung sướng ? Vì không nghèo. Đó là một lối dịch. Còn có một lối dịch khác là "như ý bất diệt". Như ý tức là bạn nghĩ gì thì theo ý của bạn mà thành tựu; bất diệt, nghĩa là thành tựu theo như ý, vĩnh viễn không tiêu diệt. Ở trong mười thứ tâm này, là nói về "tâm vô vi". Tâm vô vi này tức là giàu sướng không nghèo, cũng là như ý bất diệt.

"Du Bằng": Cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "nghiêm tịnh vô ưu". Nghiêm tức là trang nghiêm; tịnh là thanh tịnh. Tức trang nghiêm lại thanh tịnh, thanh tịnh lại trang nghiêm, cho nên chẳng có ưu sầu. Nghĩa là nói về "tâm vô kiến thủ", kiến thủ là thuộc về một trong năm lợi sử, bạn nhìn thấy thì trong tâm có sự thủ trước nên gọi là tâm kiến thủ.

15. A Thệ Dựng.

"A Thệ Dựng": Cũng là đại Phạm Thiên, dịch ra là nghĩa gì ? Tức là "pháp vô tử", pháp này chẳng có pháp nào sánh với nó. Còn gọi là "giáo vô tử", giáo này cũng chẳng có tôn giáo nào có thể sánh được. Trong mười thứ tâm thì thuộc về "tâm thấp kém", thấy ai cũng đều khiêm cung hòa mục và "tâm chẳng tạp loạn". Pháp này là pháp thanh tịnh chẳng nhiễm ô, tức cũng là Bát Nhã tâm pháp của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chiếu theo Kinh Đại Bi Đà La Ni mà nói thì mười thứ tâm này là tướng mạo của Đà La Ni. Cho nên chúng ta hãy chiếu theo Kinh Đà La Ni để tu hành, chiếu theo Kinh Đà La Ni để thành đạo chứng quả.

16. Tát Bà Tát Đa, Na Ma Bà Tát Đa, Na Ma Bà Già.

"Tát Bà Tát Đa" là tiếng Phạn, dịch là "Bồ Tát Đại Thân Tâm". "Na Ma Bà Tát Đa" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Đồng Trinh Khai Sĩ". Đồng Trinh Khai Sĩ là gì ? Tức cũng là một tên khác của Pháp Vương Tử. Phật là Đấng Pháp Vương, Bồ

Tát là con của Đấng Pháp Vương. Đồng Trinh, tức là "bản tánh". Khai Sĩ cũng là tên khác của Bồ Tát; Bồ Tát có khi gọi là Đại Sĩ, có khi gọi là Khai Sĩ. Bồ Tát nhập vào Phật vị, cho đến Bồ Tát Thập Địa cũng đều gọi là Pháp Vương Tử.

"Na Ma Bà Già" : Na Ma cũng là tiếng Phạn, dịch là "Vô Đẳng Đẳng Chú".

Trong Tâm Kinh có phải có "Vô Đẳng Đẳng Chú" chẳng ? Vô đẳng tức là chẳng có gì có thể bình đẳng được với Ngài, Ngài là ai ? là "Bà Già". Bà Già cũng là tiếng Phạn, dịch là "Thế Tôn", tức cũng là mười phương chư Phật.

17. Ma Phạt Đạt Đậu.

"Ma Phạt Đạt Đậu" là tiếng Phạn, dịch là "thiên thân thế hữu". Ý nghĩa câu Chú này là Bồ Tát gia bị cho ta, hộ trì ta, làm thiên thân với ta; thế hữu là bằng hữu thế gian, thành tựu tất cả các pháp, hết thảy tất cả các pháp lành đều có thể thành tựu. Câu Chú này là cầu chư Phật Bồ Tát đến gia hộ cho mình.

18. Đát Diệt Tha, Án.

"Đát Diệt Tha" lại là Tiếng Phạn, dịch ra là gì ? Tức là trong Tâm Kinh có nói "Tức Thuyết Chú Viết". Tức Thuyết Chú Viết tức là Đát Diệt Tha; Đát Diệt Tha cũng là Tức Thuyết Chú Viết (Chú ấy nói rằng). Đát Diệt Tha lại dịch là "sở vị". Đây là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng tâm đại bi nói ra Chân Ngôn (bài Chú) này, nói ra Chú chữ Phạn này, lại nói ra đủ thứ thủ ấn (dùng tay kết ấn), lại nói ra trí nhãn này (Ngài làm mất trí huệ cho chúng sinh). Đó đều là đủ thứ pháp môn. Đát Diệt Tha tức cũng cần nói đủ thứ pháp môn này. Phải nói đủ thứ trí nhãn, cho nên dịch là "sở vị" (điều muốn nói).

"Án" : Ở trên đã giảng rồi. Bạn đọc chữ Án này thì tất cả quỷ thần đều chấp tay cung kính, nghe hiệu lệnh của bạn. Chữ Án này sinh ra những ý nghĩa dưới đây.

19. A Bà Lô Hê.

"A Bà Lô Hê" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Quán Âm". A Bà Lô Hê tức là Quán Âm; Quán Âm cũng là A Bà Lô Hê, tôi tin rằng A Bà Lô Hê tức là Avalokite, âm cũng gần giống nhau.

Quán âm là gì ? Tức là quán âm thanh thế gian. Dùng gì để quán ? Ngài dùng trí huệ để quán sát tất cả âm thanh thế gian. Âm thanh thế gian có rất nhiều thứ, Bồ Tát Quán Âm quán âm thanh khổ của thế gian, âm thanh bi của thế gian, âm thanh thọ nạn của mọi người ở thế gian, cho nên gọi là Quán Âm.

20. Lô Ca Đế.

"Lô Ca Đế" cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "Quán Tự Tại", lại dịch là "Thế Tôn". Hợp lại với câu Chú ở trên là "Quán Âm Tự Tại".

21. Ca La Đế.

"Ca La Đế" dịch ra là "Bậc Đại Bi". Bậc Đại Bi này Ngài hay cứu tất cả mọi khổ nạn thế gian, hay giải trừ tất cả khổ nạn của hết thầy chúng sinh. Lại có lối dịch khác là "Tác Giả", Ngài hay làm đạo nghiệp hưng lên, khiến cho tất cả chúng sinh đều phát tâm bồ đề, làm Phật sự lớn mà thành tựu đạo nghiệp.

22. Di Hê Rị.

"Di Hê Rị" cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "Thuận giáo", nghĩa là nói ta nhất định nghe đại Bồ Tát Quán Thế Âm giáo hóa, ta nhất định thuận theo sự giáo hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm đi giáo hóa chúng sinh; ta nhất định sẽ y giáo phụng hành, y theo sự giáo hóa của Bồ Tát Quán Thế Âm để thực hành.

23. Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa.

Ma Ha : Là "đại". Bồ Đề : Là "giác đạo". Tát Đỏa : Là "Bậc Đại Dũng Mãnh". Câu này là một vị Bồ Tát đại giác ngộ, dũng mãnh, phát đại bồ đề tâm, tu hạnh đại bồ đề. Phát đại bồ đề tâm tức là trồng nhân đại bồ đề; tu hạnh đại bồ đề tức là vun bồi tưới nước mầm bồ đề của bạn, sẽ kết quả đại bồ đề, đắc được đạo bồ đề.

Câu Chú này của Bồ Tát Quán Thế Âm, "định huệ không hai, định huệ đều đủ, vạn hạnh nghiêm thân". Định cũng đủ, huệ cũng đủ. Huệ đủ thì định đủ, định đủ thì huệ đủ. Vì có định mới phát huệ, có trí huệ mới tu định. Nếu chẳng có định thì chẳng có huệ, chẳng có huệ thì cũng chẳng có định.

Vị Bồ Tát này, Ngài "chẳng bỏ một pháp nào", dù một pháp Ngài cũng không dễ dàng bỏ qua, bất cứ việc thiện lớn hay nhỏ đều làm hết. Cho nên có câu :

"Đừng cho rằng việc thiện nhỏ mà không làm, Đừng cho rằng việc ác nhỏ mà làm".

Vị Bồ Tát này việc ác dù nhỏ bé Ngài cũng không làm, việc thiện dù rất nhỏ Ngài nhất định cũng đi làm, cho nên có câu : "Đừng làm các việc ác, hãy làm các việc lành". Ngài phát bồ đề tâm, kết bồ đề quả, tu hành vạn hạnh để trang nghiêm pháp thân của chính mình. Ngài phát tâm đại bi để làm đại pháp vô vi,

tùy theo tâm của chúng sinh mà làm Phật sự, song, ở trong bản tính, bản thể của Ngài chẳng có một tướng chúng sinh. Ở trong Phật pháp xem tất cả chúng sinh đều một thể với Ngài, không hai không khác. Cho nên Ngài lấy khổ của chúng sinh làm khổ của mình. Vì chính Ngài không nghĩ có khổ, cho nên phải giải trừ tất cả khổ não của chúng sinh, tuy nhiên giải trừ tất cả khổ não của chúng sinh mà chẳng có tướng độ chúng sinh. Ngài chẳng nói : "Bây giờ tôi cứu bạn, bạn phải cảm ơn tôi. Tôi giải trừ khổ cho bạn, bạn nên có chút báo đáp cho tôi". Ngài chẳng có tâm như thế, cho nên vị Bồ Tát này mới hiện được ba mươi hai ứng thân. "Người nào đáng dùng thân Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Phật để vì họ nói pháp; người đáng dùng thân Bích Chi Phật độ được, thì Ngài liền hiện thân Bích Chi Phật để vì họ nói pháp; người đáng dùng thân ông vua độ được, thì Ngài liền hiện thân ông vua để vì họ nói pháp". Có ba mươi hai ứng thân, mười bốn vô úy và bốn bát tư nghi (bốn thứ thần thông diệu dụng không nghĩ bàn), được chân viên thông; Ngài đắc được viên thông chân chánh, thành tựu quả đại bồ đề. Đây là sự thành tựu của Bồ Tát Quán Thế Âm.

24. Tát Bà Tát Bà.

Các bạn có biết câu Chú này thuộc về Thủ Nhãn nào chẳng ? "Tát Bà Tát Bà", là tiếng Phạn, dịch ra là "Nhất thiết lợi lạc". Nhất thiết là tất cả, bạn tu Thủ Nhãn (tay mắt) này thì có thể lợi lạc cho tất cả chúng sinh.

Bạn có "bảo ấn" này thì chư thiên trên trời đều nghe hiệu lệnh của bạn, quỷ vương dưới địa ngục cũng đều nghe hiệu lệnh của bạn; bạn kêu họ như thế nào thì họ như thế ấy. Bạn kêu họ thả người có tội ra thì họ lập tức phải thả họ ra. Tại sao ? Vì bạn có mạng lệnh này. Bảo ấn này cũng giống như ngọc tỳ của hoàng đế; ấn ngọc tỳ của hoàng đế in vào trong chiếu thư, phô cáo thiên hạ, đến đâu thì mọi người đều phải chiếu theo chiếu thư mà hành sự, chẳng có ai dám phản đối. Bạn có Bảo Ấn Thủ này thì có thể lợi ích tất cả chúng sinh; bạn kêu tất cả chúng sinh được lợi ích gì thì họ sẽ được lợi ích đó, cho nên dịch ra nghĩa là "lợi ích tất cả".

Người Trung Quốc hầu như đều có nghe rằng thần tiên thời xưa có một cái ấn gọi là "phiên thiên ấn". Huỳnh Thành Tử có phiên thiên ấn tức là cái ấn này; Đạo giáo gọi là phiên thiên ấn, ở tại Bồ Tát Quán Thế Âm gọi là Bảo Ấn Thủ. Bạn dùng Bảo Ấn Thủ này tu hành thì tu sẽ thành công; bạn mang theo bảo ấn này dù người nào chết, hoặc sắp chết thì vua Diêm Vương chẳng dám kêu họ chết, có diệu dụng có thể cải tử hồi sinh. Song, bạn phải tu hành, nếu không tu hành thì chẳng có ích lợi gì. Tu hành thành công thì giống như bạn đi học, bắt đầu học từ tiểu học, trung học sau đó lên đại học, đậu bằng bác sĩ. Bạn tu Bảo Ấn Thủ thành công thì cũng giống như đậu được bằng bác sĩ, song còn cao hơn nhiều.

Cho nên "Tát Bà Tát Bà" tức là "lợi lạc tất cả", hay trợ giúp tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái lạc. Bạn thấy có diệu chăng ! Cho nên gọi là Bảo Ấn Thủ. Nếu bạn muốn dùng Bảo Ấn Thủ này tu Bốn Mười Hai Thủ Nhãn (tay và mắt) thì "Tát Bà Tát Bà" là một Thủ Nhãn trong Bốn Mười Hai Thủ Nhãn, ngoài ra còn có bốn mươi một Thủ Nhãn nữa.

Có người nghe tôi giảng Bảo Ấn Thủ có đại dụng như thế, anh ta bèn nghĩ : "Tôi phải mau tu Bảo Ấn Thủ này; tu xong rồi, tất cả mọi người sắp chết thì tôi đều khiến cho họ đừng chết." Có thể được ! Bất quá bạn đừng kêu người khác chết hoặc là thọ mạng đến lúc chết thì không có ai có thể dùng ấn này được nữa. Tôi đã dùng qua hai lần cái ấn này. Tại Đông Bắc Trung Quốc tôi đã dùng qua một lần, tại Hương Cảng cũng dùng qua một lần. Tại Đông Bắc nhân duyên như thế nào ? Đó đều là bất đắc dĩ. Bất đắc dĩ như thế nào? Tức là nhất định phải làm việc này, không thể không làm. Tôi còn nhớ khi tôi ở Chùa Tam Duyên tại Đông Bắc thì vào ngày 18 tháng 4, có người tên là Cao Đức Phước, nhà anh ta cách Chùa khoảng gần hai mươi dặm. Vào một buổi chiều hôm đó, anh ta đến Chùa. Để làm gì ? Để chặt cánh tay; anh ta cầm một thanh đao dùng giấy báo bao bọc lại, chuẩn bị chặt cánh tay của anh ta để cúng Phật. Bạn có cho rằng anh ta thông minh chăng ? hoặc là ngu si ? Đương nhiên rất là ngu si. Nếu là người thông minh sao lại chặt cánh tay của mình ? Không sai, rất là ngu si. Song, anh ta ngu si là vì hiếu thuận mà ngu si.

Tại sao anh ta muốn chặt cánh tay ? Vì mẹ của anh ta bệnh nặng. Mẹ của anh ta bình thường hay hút nha phiến, bệnh nặng đến độ chẳng hút nha phiến được nữa. Nha phiến đã không thể hút được nữa thì đương nhiên cũng chẳng ăn cơm được, chẳng uống nước được nữa. Lưỡi cũng đã biến thành màu đen. Trung y, bác sĩ Trung Quốc, bác sĩ ngoại quốc đều bó tay. Anh ta nói : " Bò Tát là linh cảm nhất, bây giờ tôi đến Chùa Tam Duyên, chặt cánh tay của tôi xuống để cúng dường Phật; dùng tâm thành này để cầu Phật gia hộ cho mẹ của tôi khỏi bệnh". Đến chùa rồi mở đao trong giấy báo ra, tự mình duỗi cánh tay ra, còn tay kia thì cầm đao muốn chặt tay; từ phía sau có người đến giữ thanh đao của anh ta lại, nói : "Ê ! Anh làm gì thế ? Đừng có tự sát, tại đây không nên tự mình giết mình !" Anh ta nói : "Tôi vì mẹ của tôi bệnh nặng, tôi phải chặt cánh tay của tôi xuống để cúng Phật, Thầy đừng cản trở tôi, đừng làm tôi không chặt được !" Người đó cũng chẳng chịu buông đao ra, bèn đi báo cáo với Hòa Thượng phương trượng (Thầy trụ trì), Hòa Thượng phương trượng cũng chẳng có biện pháp. Đương lúc đó có vị cư sĩ tên là Lý Cảnh Hoa là hộ pháp đắc lực nhất của Hòa Thượng phương trượng. Hòa Thượng bèn sai Lý Cảnh Hoa đi tìm tôi nói: "Thầy ơi Thầy ! Có người đến muốn chặt cánh tay, vì mẹ của anh ta bệnh nặng, Thầy hãy tìm cách giúp anh ta".

Lúc đó tôi làm thủ tòa ở trong Chùa, ngoài Hoà Thượng phương trượng ra tức là tôi. Lúc đó tôi còn là Sa Di, chẳng phải như Sa Di hay ăn, Sa di hay ngủ, Sa Di hay uống, chẳng phải như thế. Lúc tôi làm Sa Di thì mọi người chẳng dậy thì tôi dậy; chẳng phải đợi mọi người dậy mà mình thì chưa dậy. Việc người khác không làm thì tôi làm.

Tìm tôi rồi, tôi bèn nói với Hoà Thượng : "Họ đến tìm Ngài, Ngài lại thêm phiền phức đến con, Ngài chẳng lo mà kêu con lo". Hoà Thượng phương trượng nói : "Con hãy từ bi, giúp anh ta".

Tuy nhiên tôi chẳng muốn lo việc ấy nhưng Hoà Thượng đã nói lời đó làm cho tôi rất cao hứng.

Tôi nói : "Tốt, con đi đây". Tôi lại nói với anh muốn chặt tay là Cao Đức Phước : "Anh hãy về đi". Anh ta leo lên xe đạp về nhà, anh ta đi xe phải đi đường lớn, tôi thì đi đường nhỏ. Lúc đó mặt trời đã lặn sớm khoảng năm giờ chiều, tôi nói : "Anh đi trước". Anh ta nói : "Thầy có biết đường chẳng ?". Tôi nói : "Anh đừng lo cho tôi, anh hãy đi trước thì tốt rồi".

Cách mười tám dặm đường, anh ta đạp xe đạp đi trước, tôi thì cũng đi theo con đường nhỏ. Tôi đến nhà anh ta mà anh ta chưa về tới ! Anh ta về đến nhà thì thấy tôi nói : "Ồ ! Lạ quá, sao Thầy lại đến trước con ?". Tôi nói : "Chắc trên đường đi anh ham chơi, hoặc đá cầu, cho nên anh mới về nhà trễ". Anh ta nói : "Không đâu ! Con đạp xe rất nhanh để về sớm mà !". Tôi nói : "Hoặc là xe của anh chẳng nhanh bằng xe của tôi, cho nên tôi đến trước".

Tôi đi xem bệnh nhân, thật chẳng có cách nào sống lại được, thử xem sao ! Đèn sáng sớm ngày thứ hai thì dậy.

Mẹ của anh ta vốn đã bảy tám ngày chẳng biết gì, cũng chẳng nói, cũng chẳng nhận ra ai, gần như đã chết. Ngày thứ hai thì bà ta ngồi dậy gọi tên con trai lớn, ở nhà thường gọi anh Cao Đức Phước : "Tụ ơi, Tụ ơi, có cháo không, bây giờ mẹ muốn ăn cháo". Anh con trai lớn cũng đã bảy tám ngày chẳng nghe mẹ của anh ta gọi, bây giờ đột nhiên ngồi dậy được để gọi anh ta, anh ta rất đổi vui mừng. Anh ta chạy lại nói : "Mẹ, mẹ bệnh trầm trọng đã nhiều ngày không nói được, bây giờ mẹ có khỏe không ?". Mẹ của anh ta nói : "Mẹ cũng chẳng biết bao nhiêu ngày rồi, mỗi ngày đều ở trong chỗ tối tăm u ám, cũng chẳng có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, cũng chẳng có đèn lửa gì hết ! Chạy khắp nơi tìm chẳng được nhà, chạy đã rất nhiều ngày khổ nhọc, kêu ai cũng chẳng có ai. Tôi hôm qua, mẹ nhìn thấy một vị Hoà Thượng nghèo, trên thân mặc áo rách rưới, ông ta đưa mẹ về, cho nên hôm nay mẹ muốn ăn cháo". Con của bà ta nghe mẹ nói như thế bèn nói : "Hoà Thượng đó như thế nào ?". Bà ta nói : "Ông ta rất cao, nếu nhìn thấy chắc sẽ nhận ra ngay". Lúc đó tôi đang nằm trên cái bục ngủ, anh

ta đi đến chỗ của tôi ngủ chỉ nói : "Mẹ có biết vị Thầy này chẳng?". Bà ta nhìn chăm chăm nói : "Phải rồi, mẹ thấy ông ta, ông ta đưa mẹ về".

Lại thêm nhiều sự rắc rối ! Cả gia đình hơn mười người đều đến quỳ ở trước tôi nói : "Thầy đã cứu mạng mẹ của chúng con, cả gia đình chúng con lớn nhỏ đều xin quy y với Thầy, sau này bất cứ Thầy có việc gì kêu chúng con làm, chúng con đều hoan hỉ làm hết mình". Đó là tôi đã dùng qua một lần. Dùng qua một lần thì bệnh khỏi, bạn nói như thế nào ? Sao lại nói nhiều sự rắc rối đến ? Cả nhà đều đến lạy, về sau ở trong làng đó, người này cũng nói có bệnh, người kia cũng nói có bệnh, rất là nhiều bệnh nhân. Vì có nhân duyên này nên tôi nói : "Các vị những người có bệnh đều phải đánh". Lúc đó tôi cầm cây phát trần đánh mỗi người ba cái, sau đó tôi hỏi những bệnh nhân : "Các vị có còn bệnh chẳng ?". Họ trả lời : "Hết đau rồi, khỏi rồi". Tôi nói : "Các vị đều là bệnh đánh đòn, để tôi đánh thì hết bệnh". Đó là việc rắc rối phiền phức ở tại Đông Bắc (Manchuria) bên Trung Quốc.

Còn ở Hương Cảng là ai ? Tức là cha của cô Madelena Lew. Cha của cô ta khoảng 79 tuổi, coi bói, xem tướng đều nói ông ta nhất định phải chết, do đó ông ta bèn đến ghi danh quy y. Khi quy y thì ông ta hỏi tôi : "Su Phụ, Ngài có thể làm tôi không chết chẳng ?". Tôi nói : " Ông thích không chết chẳng ? Tốt, có thể được, tôi để cho ông sống tới mười hai năm nữa được không ?" Ông ta nói : "Đương nhiên là tốt !", tôi cũng làm cho ông ta việc này, về sau quả nhiên ông ta sống thêm mười hai năm nữa.

Song, vừa mới nói, dù bạn có pháp này cũng không thể dùng cho người chết. Nếu bạn cứu họ lại, không để cho họ chết thì tức là biến thành đối đầu với vua Diêm Vương. Vua Diêm Vương sẽ nói với bạn rằng : "Tốt ! Ông không để cho họ chết thì bây giờ tôi kêu ông chết trước". Khi bạn chết thì chẳng có ai thay bạn dùng ấn đó. Bạn nói : "Chính tôi dùng ấn đó cho tôi". Vậy thì không được. Tại sao ? Giống như một thanh đao, đây là bẻ lưỡi, kia là bẻ sống đao; đao của chính bạn không thể chặt bẻ sống đao . Dù bạn có pháp thuật, nếu chính bạn có việc gì tức cũng như Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, khó bảo vệ được thân mình, bạn bảo vệ cho mình chẳng được. Cho nên nếu có được pháp này còn phải tự mình tu hành. Vì vậy, cho nên hiện tại tôi chẳng lo việc nhân rồi, muốn chết thì chết, tôi chẳng lo, tôi sợ Bồ Tát bằng đất sét đi qua biển, thân mình khó giữặng.

25. Ma La Ma La.

Hai câu Chú này là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tăng trưởng", cũng gọi là "như ý", cũng gọi là "tùy ý". Tăng trưởng cái gì ? Tăng trưởng phước huệ. Như ý về cái gì ? Tức là tùy tâm như ý, cát tường như ý.

Cho nên Thủ Nhãn này là Thủ Nhãn Châu Như Ý. Nếu bạn muốn phát tài thì bạn hãy tu Thủ Nhãn này. Nếu tu Thủ Nhãn này thành công rồi thì bạn muốn dùng gì cũng có, chẳng còn lo nghèo khổ nữa, luôn luôn đều giàu có. Trí huệ của bạn vô lượng vô biên, phước báu của bạn cũng vô lượng vô biên. Cho nên tăng trưởng phước huệ, cát tường như ý, tùy tâm như ý, bạn thấy nhiều sự diệu dụng vô cùng! Do đó trong 42 Thủ Nhãn thì Châu Như Ý liệt vào Thủ Nhãn hạng nhất; bảo châu như ý diệu không thể tả.

26. Ma Hê Ma Hê, Rị Đà Dụng.

"Ma Hê Ma Hê" là tiếng Phạn, dịch ra là "vô ngôn cực ý". Vô ngôn là không cần nói; cực ý là ý niệm đã đến cực điểm, tức cũng là "diệu", lại dịch ra là "tự tại". Có ai tự tại chẳng? Có vị Đại Phạm Thiên Vương rất tự tại, chẳng sầu chẳng lo, chẳng suy chẳng nghĩ, suốt ngày đều hoan hỉ. Thủ Nhãn này là Ngũ Sắc Vân Thủ Nhãn, trong tay nâng mây năm màu, cho nên rất tự tại. Nghĩ ra thì dụng đồ này cũng vô lượng vô biên, cũng tự tại diệu dụng vô cùng.

"Rị Đà Dụng" là 'Thanh Liên Hoa Thủ', dịch ra là "liên hoa tâm". Nếu bạn tu Liên Hoa Thủ này thành công thì sẽ có hương thơm thanh liên hoa (hoa sen xanh), hay đến khen ngợi mười phương chư Phật, cũng rất vi diệu, không thể nghĩ bàn; thật có thể nói là: "Diệu pháp thâm sâu vô thượng, trăm ngàn ức kiếp khó gặp được".

27. Câu Lô Câu Lô Yết Mông.

"Câu Lô Câu Lô" cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "tát pháp", còn có ý nghĩa nữa là "tát dụng trang nghiêm", còn có một ý nghĩa nữa là "thôi loa kiết giới". Đây là Bảo Loa Thủ Nhãn.

Hiện tại chúng ta ở vào thời đại mạt pháp, cho rằng chỉ đọc Chú Đại Bi thì đắc được Phật pháp, kỳ thật chẳng phải. Chú Đại Bi là vì pháp 42 Thủ Nhãn mà nói. Chỗ diệu của Chú Đại Bi là 42 Thủ Nhãn, 42 Thủ Nhãn cũng là toàn thể của Chú Đại Bi. Nếu bạn chỉ đọc Chú Đại Bi mà chẳng tu 42 Thủ Nhãn thì cũng giống như một người chỉ có tay mà chẳng có chân, không thể đi được. Nếu bạn chỉ tu 42 Thủ Nhãn mà chẳng tu Chú Đại Bi thì đây cũng giống như người chỉ có chân mà chẳng có tay, không thể cầm gì đặng, cũng chẳng có dụng gì. Cho nên phải thông đạt 42 Thủ Nhãn, sau đó bạn hãy tụng trì Chú Đại Bi, thì sẽ thật sự hiểu rõ diệu pháp của Phật.

Chú Đại Bi cũng chẳng phải chỉ nghe vị Thầy giảng thì cho rằng: "Ta biết câu Chú đó như thế nào". Như vậy cũng chẳng ích gì, giống như bạn chẳng có tay, chẳng có chân, bạn chỉ có thân thể thì cũng vô dụng. Do đó phải vừa có chân,

vừa có thân thể này. Như thế mới trợ giúp với nhau, hỗ tương thành tựu công đức của bạn.

Bảo Loa Thủ Nhân này tức là tác pháp. Khi tác pháp thì phải thôi loa. Một khi thôi thì ở trên trời cũng nghe được, cho nên nơi nào nghe được thì nơi đó đều kiết giới. Nơi nào nghe được âm thanh này thì đều là phạm vi của ta, những yêu ma quỷ quái chẳng vào được, đó gọi là kiết giới. Còn gọi là "tát ý trang nghiêm", dùng loa này thôi, khi âm thanh của bảo loa vang ra thì trời đất đều biến vàng làm đất, bảy báu trang nghiêm, cho nên rất là vi diệu.

Có người nói, tôi tin rằng gần ba trăm năm nay chẳng có ai gặp được 42 Thủ Nhân này, cho nên Phật pháp cũng chẳng hưng thịnh, cũng chẳng có ai minh bạch. Bây giờ chúng ta biết Chú Đại Bi như thế, chúng ta phải chuyên tâm nỗ lực để tu 42 Thủ Nhân mới hữu dụng.

"Yết Mông" cũng là tiếng Phạn, đây là tiếng Phạn của Đại Phạm Thiên, chứ chẳng phải tiếng Phạn Ấn Độ, vì văn Ấn Độ cũng căn cứ Phạm văn của Đại Phạm Thiên. Tiếng Phạn gọi là Yết Mông, dịch ra là nghĩa gì? Tức gọi là "biện sự". Biện là biện lý, sự là tất cả mọi sự việc. Còn có lối dịch khác là "công đức". Biện sự gì? Tức làm việc công đức, làm việc công đức này là việc công đức lợi ích cho người. Lợi ích cho người cũng là lợi ích chính mình, cũng là việc của Bồ Tát tự lợi lợi tha, tự giác giác tha. Làm các việc công đức, các công đức tức là hết thảy tất cả lục độ vạn hạnh đều bao quát ở trong đó. Dùng gì để tu lục độ vạn hạnh? Tức là dùng Bạch Liên Hoa Thủ Nhân.

Bạn thường đọc Chú Đại Bi, hoặc tu pháp 42 Thủ Nhân thì có thể làm các việc công đức, như thế thì tu lục độ vạn hạnh mới có thể viên mãn, do đó mới thành tựu vi diệu không thể nghĩ bàn, không thể tả. Nói thì nói, cũng chẳng cách chi nói hết được sự diệu của nó, nếu có thể nói hết chỗ diệu thì chẳng còn diệu nữa. Không diệu thì có bờ mé, có thủy chung, còn diệu thì chẳng có bờ mé, chẳng có thủy chung. Cho nên câu Chú "Yết Mông" này có thể làm các việc công đức. Nếu bạn tu Bạch Liên Hoa Thủ Nhân thì tương lai đời đời kiếp kiếp bạn đều có hương thơm bạch liên hoa (hoa sen trắng), đều có bạch liên hoa đến hộ bạn. Cho nên chỗ diệu của Chú Đại Bi nói không thể hết, giảng chẳng hết được.

28. Độ Lô Độ Lô, Phạt Xà Gia Đế.

"Độ Lô Độ Lô" cũng là tiếng Phạn, dịch ra là "độ hải". Độ hải là gì? Tức là qua khỏi biển khổ sinh tử. Còn có lối dịch khác nữa nghĩa là "minh tịnh", quang minh mà thanh tịnh. Còn có lối dịch khác nghĩa là "đến bờ", tức là qua khỏi biển khổ sinh tử, đến được bờ kia. Bạn có trí huệ quang minh thì đắc được bản thể thanh tịnh, đến được bờ Niết Bàn bên kia. "Độ Lô Độ Lô" tức là ý nghĩa này.

"Minh nhi năng quyết". Minh là quang minh, tức bạn có trí huệ; tất cả pháp môn bạn đều biết rõ thì quyết định được sinh tử. "Định nhi năng tịnh". Định là định lực, bạn có định lực thì mới sinh về thế giới Cực Lạc thanh tịnh. Đây là Thủ Nhân gì ? Đây là Nguyệt Tinh Ma Ni Thủ, tức là Đà La Ni mà Bồ Tát Nguyệt Quang nói ra. Nguyệt Tinh Đà La Ni Thủ hay khiến cho tất cả mọi người đều được mát mẻ.

"Phạt Xà Gia Đế". Đây là Bàn Bài Thủ. Phạt Xà Gia Đế là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "quảng bác nghiêm tịnh", tức là vừa quảng bác vừa nghiêm tịnh. Còn có lối dịch khác nghĩa là "quảng đại". Lại có lối dịch khác nữa, nghĩa là "độ sinh tử". Nếu bạn tu Bàn Bài Thủ thì có thể độ sinh tử; bạn chẳng tu Bàn Bài Thủ thì không thể độ sinh tử. Cho nên có Bàn Bài Thủ thì bạn có thể qua được biển khổ sinh tử, xuyên qua dòng phiền não, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia.

29. Ma Ha Phạt Xà Gia Đế.

"Ma Ha Phạt Xà Gia Đế", dịch ra nghĩa là "tối thắng, quảng đại, pháp đạo". Trong đó nói pháp cũng lớn, cũng tối thắng, đạo cũng lớn, cũng tối thắng; là pháp đạo tối thắng, quảng đại.

Đây là Thủ Nhân gì ? Là Bảo Kích Thủ. Bảo Kích Thủ hay hàng phục thiên ma, chế các ngoại đạo, có rất nhiều dụng đồ. Hết thấy tất cả nghịch tặc mà bạn dùng Thủ Nhân này thì bảo hộ được quốc gia. Nếu nước khác muốn xâm lược nước của bạn mà bạn tu pháp này thì có thể trong vô hình làm cho kẻ địch thối lui.

30. Đà La Đà La.

"Đà La Đà La" cũng là tiếng Phạn. Tiếng Phạn chẳng dễ gì hiểu đặng, chẳng học qua tiếng Phạn thì không thể hiểu Chú này, cũng không thể giảng. Có người nói : "Vậy Hòa Thượng đã học qua tiếng Phạn chẳng ?" Tôi chẳng học qua tiếng Phạn, song, ý nghĩa Chú Đại Bi, tôi vẫn hiểu biết chút chút, chẳng hiểu biết hết toàn bộ.

Đà La Đà La là Tịnh Bình Thủ, trong tịnh bình chứa nước cam lồ. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhánh dương liễu vẩy nước cam lồ để đượm nhuần tất cả chúng sinh. Bất cứ bạn có bệnh gì, nếu được Bồ Tát Quán Thế Âm rưới cho bạn một giọt nước cam lồ thì ma bệnh của bạn sẽ khỏi.

Đà La Đà La dịch ra là "năng tổng ấn trì". Nghĩa là hay tổng ấn trì tất cả tâm chúng sinh. Bồ Tát Quán Thế Âm dùng Cam Lồ Thủ Nhân, Dương Chi Thủ và Tịnh Bình Thủ hợp lại để cứu độ khắp tất cả chúng sinh.

31. Địa Lị Ni.

"Địa Lị Ni" cũng là tiếng Phạn, dịch ra có rất nhiều nghĩa. Nghĩa thứ nhất là "thâm dũng", rất có dũng khí, còn có ý nghĩa là "tịch diệt". Thâm dũng là tướng động, còn tịch diệt là tướng tĩnh. Còn có ý nghĩa nữa là "khiết tịnh", ý nghĩa nữa gọi là "giá trì", còn gọi là "tôi khai". Tức là tất cả các điều ác, nghiệp chướng đều phá sạch; giá trì tất cả điều bất thiện, phụng hành tất cả các điều thiện.

Thủ Nhãn này là gì ? Gọi là Câu Thi Thiết Câu Thủ, gọi tắt là Thiết Câu Thủ. Thiết Câu Thủ này hay sai khiến tất cả quỷ thần, câu triệu tất cả quỷ thần. Câu Thi Thiết Câu Thủ còn có thể sai khiến tất cả các quỷ thần, trời rồng đều đến ủng hộ bạn. Bạn tu pháp này thì bạn kêu rồng mưa thì rồng sẽ mưa; kêu nổi gió thì sẽ nổi gió, kêu đừng mưa thì không mưa, kêu không nổi gió thì không nổi gió. Có người nói : "Điều này tôi không tin". Tôi giảng cho bạn nghe, tức cũng là muốn kêu bạn không tin. Tại sao ? Vì tôi kêu bạn không tin, tức là vì điều này.

Hiện tại ở Đài Loan đang mưa, hôm nay có người trở về, bạn có thể hỏi họ thử. Đài Loan lúc này vốn không mưa, nhưng trời lại mưa. Tôi gọi điện thoại đi Đài Loan thì họ nói ngày nào cũng mưa, rất là lạnh. Tôi nói : "Bạn có thích nóng chẳng ? Được rồi, thích không mưa thì rất dễ".

Họ nói : "Làm sao để trời có thể không mưa ?". Tôi nói : "Bạn hãy thử xem, tôi có thể kêu trời đừng mưa xuống". Gọi điện thoại xong thì trời hết mưa, cho nên họ cảm thấy rất là kỳ lạ. Đây là nhờ sức của Câu Thi Thiết Câu thủ. Bạn giờ Câu Thi Thiết Câu Thủ ra nói : "Này Long Vương, không cho phép các ông mưa xuống". Thì rồng chẳng mưa xuống, tuyệt đối tuân lệnh của bạn. Song bạn phải minh bạch Câu Thi Thiết Câu Thủ và thường tu pháp này. Cho nên nếu rồng không tuân lệnh, mà tiếp tục mưa xuống nữa thì bạn có thể dùng Thiết Câu Thủ để móc rồng lại thì rồng chẳng dám mưa xuống.

Các bạn nghe điều này, giống như nói chuyện cười với các bạn. Các bạn nghe là chuyện cười cũng được, nghe là chuyện thật cũng được. Hiện tại tôi giảng Kinh cho các bạn là nói lời thật, đây chẳng phải là nói chuyện tiếu.

32. Thất Phậ La Gia.

"Thất Phậ La Gia" là tiếng Phạn, bạn niệm một tiếng "Thất Phậ La Gia" thì trong vũ trụ đều có một luồng điện sáng. Bạn niệm một tiếng "Thất Phậ La Gia" thì giống như sẹt một ánh chớp, phóng một luồng điện sáng. "Thất Phậ La Gia" dịch ra nghĩa là "phóng quang", còn gọi là "Quán Tự Tại". "Thất Phậ La Gia" tôi tin rằng là chữ Shvara của Avalokiteshvara, ý nghĩa là "tự tại". Quán Tự Tại, bạn phải quán thì mới có thể tự tại; bạn không quán thì chẳng tự tại.

Quán cái gì ? Chẳng phải hướng ra ngoài quán, mà là hướng vào bên trong để quán; quán tự tại tức là quán sát chính bạn tại hay bất tại. Bạn tự quán sát chủ nhân ông của bạn tại hay bất tại ? Bạn quán sát tự tính của bạn tại hay bất tại ? Bạn quán sát chân tâm của bạn tại hay bất tại ? Thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể này tại hay bất tại ? Nếu tại thì tự tại, nếu bất tại thì chẳng tự tại. Nếu chẳng tự tại, đã chạy đi đâu thì bạn tự hỏi mình "bạn chạy đi đến đâu ?" tức là quán tự tại.

Còn gọi là "phóng quang", phóng quang tức nghĩa cũng là tự tại. Nếu bạn tự tại thì sẽ phóng quang; nếu bạn chẳng tự tại thì không thể phóng quang.

Còn có một ý nghĩa dịch ra nữa gọi là "hỏa diệm quang". Hỏa diệm quang cũng là hỏa quang. Hỏa quang là gì ? Hỏa này chẳng phải là lửa giận dữ, chẳng phải sinh lửa phiền não, chẳng phải lửa "Oh, I have too much temper". Phải do nước trí huệ sinh ra để thu phục lửa vô minh. Nước trí huệ hay hàng phục lửa vô minh, hiện ra trí huệ chân chính, đây gọi là "hỏa diệm quang". Bạn niệm "Thất Phật La Gia" tức sẽ phóng quang. Song nếu tự tại mới phóng quang, nếu bạn chẳng tự tại thì không thể phóng quang, bạn nên nhớ ở điểm này. Đây là Thủ Nhãn gì ? Tức là Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn. Thủ Nhãn này có thể trị bệnh. Trị bệnh gì ? Trị bệnh mù mắt, mắt chẳng thấy được nữa, bạn có thể dùng Nhật Tinh Ma Ni Thủ Nhãn để trị, cho nên đây gọi là phóng quang.

33. Giá La Giá La.

"Giá La Giá La" cũng là tiếng Phạn, dịch ra gọi là "hành động", tức là ta có hành động. Có hành động gì ? Tức là "có những hiệu lệnh". Ở trong quân đội hành quân thì gọi là hành động, chúng ta đi đường cũng gọi là hành động. Hành động của chúng ta là một thứ mệnh lệnh, kêu chúng ta đi làm việc gì, thì đó là một thứ "hiệu lệnh". Hiệu lệnh kêu bạn đi làm việc gì đó thì bạn phải đi làm, nếu bạn không đi làm thì trái ngược với mệnh lệnh.

Thủ Nhãn này gọi là gì ? Gọi là "Bảo Đạc Thủ", tức là tay cầm cái chuông báu lắc, đây là Thủ Nhãn thứ ba mươi. Bảo Đạc Thủ là một thứ âm nhạc, cầm lắc thì âm thanh "keng, keng, keng" vang ra. Tiếng vang này chấn động đến ba ngàn thế giới, đều "keng keng" lên. Bạn nghĩ muốn làm gì thì tất cả trời, người, quỷ thần, yêu ma đều phải nghe mệnh lệnh của bạn, đều phải giữ quy cụ. Giống như sắp động đất mà bạn lắc chuông báu lên thì khắp nơi đều phát ra hiệu lệnh : "Không được động đất !" thì không thể động đất. Sự diệu dụng của Bảo Đạc Thủ rất lớn. Nếu muốn âm thanh ca hát hay thì cũng phải dùng Bảo Đạc Thủ này. Tu Bảo Đạc Thủ đến nơi rồi thì âm thanh của bạn rất hay giống như âm thanh của đại hồng chung, nói ra lời nói như âm thanh của tiếng đại hồng chung.

34. Ma Ma, Phạt Ma La.

"Ma Ma" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "ngã sở". Ở trên là một thứ âm nhạc, có sự hành động, đây là ngã sở, việc của tôi làm đều phải thành tựu.

Thủ Nhãn này gọi là "Bạch Phát Thủ". Ở Trung Quốc Đạo lão và các vị Hòa Thượng đều có cái phát trần, tức là vật dùng để đuổi ruồi, song mỗi khi Pháp sư thượng đường thuyết pháp đều cầm. Tôi cũng có một cái phát trần do họ mang đến tặng, cái phát trần này rất là cổ xưa, có từ vào thời nhà Hán. Phát trần này dự bị để làm gì ? Có thể trừ tất cả chướng nạn ở trên thân. Tất cả nghiệp chướng, bệnh tật của bạn mà dùng phát trần quét một cái thì đều khỏi ngay. Dụng đồ của phát trần rất lớn, song người biết dùng rất ít.

"Phạt Ma La": Câu này là "hàng ma kim cang", trong tay cầm một cái kim luân, vì đây là một vị Kim Cang, thân có thể biến lớn như núi Tu Di.

Phạt Ma La là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tối thắng ly cấu", tối thù thắng lại là khỏi như bản. Còn có một nghĩa nữa gọi là "vô tỉ", không có gì sánh bằng, còn có một nghĩa nữa gọi là "như ý", toại tâm như ý. Đây là Hóa Cung Điện Thủ Nhãn, có dụng đồ như thế nào ? Nếu bạn tu pháp Thủ Nhãn này thì có thể đời đời kiếp kiếp ở trong một cung điện với Phật, không thọ sinh thai, noãn, thấp hóa.

35. Mục Đế Lệ.

"Mục Đế Lệ" tức là Dương Chi Thủ Nhãn của Phật. Dương Chi Thủ Nhãn là gì ? Tức là Bồ Tát Quán Thế Âm tay cầm nhánh dương liễu. Bạn thấy Bồ Tát Quán Thế Âm một tay cầm nhánh dương liễu, một tay cầm bình tịnh thủy, nhánh dương liễu nhúng nước tịnh bình để rưới khắp tất cả chúng sinh. Nhúng nước tịnh bình khác với nước thường như thế nào ? Nước tịnh bình gọi là nước cam lồ, nước cam lồ mà rưới lên tất cả chúng sinh thì khiến cho chúng sinh đắc được rất nhiều lợi ích, có thể giải trừ đói khát, được sự mát mẻ.

"Mục Đế Lệ" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giải thoát". Giải thoát cái gì ? Giải thoát tất cả khổ nạn, giải thoát tất cả bệnh tật, giải thoát tất cả việc bất như ý. Cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm dùng nhánh dương liễu để giải thoát mọi bệnh tật của chúng sinh, giải thoát những hoạn nạn của chúng sinh, giải thoát những việc bất như ý của chúng sinh.

Thủ Nhãn này, bên trong có vẻ giống như chẳng quan trọng lắm, song nếu bạn tu thành công thì nhánh dương liễu này chẳng những giải thoát được bệnh tật, hoạn nạn, việc bất như ý mà cũng có thể hàng phục được thiên ma, khống chế các ngoại đạo. Tất cả thiên ma ngoại đạo mà đắc được nước cam lồ của bạn thì

họ tự nhiên sẽ hồi tâm hướng thiện, cũng đều y giáo phụng hành. Cho nên Thủ Nhãn này nói ra thì vô cùng vô tận, cũng không thể nghĩ bàn.

Nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm chẳng những giải trừ được hoạn nạn mà còn chữa khỏi tất cả bệnh tật và giải thoát tất cả những việc bất như ý. Thậm chí lúc bạn sắp chết, nếu bạn đắc được nước cam lồ của Bồ Tát Quán Thế Âm thì có thể sống lại. Tất cả cây khô, nếu dùng nước cam lồ rưới lên thì có thể sống lại.

Cây cối vốn là vô tình được nước cam lồ thấm nhuần còn có thể sinh trưởng đơm hoa kết trái, hà huống nếu tất cả chúng sinh được nước cam lồ, càng lợi ích vô cùng vô tận.

36. Y Hê Di Hê.

"Y Hê Di Hê" là "Độc Lâu Trọng Thủ", dịch ra là "thuận triệu, thuận giáo". Tức là bạn kêu họ thì họ sẽ nghe lời kêu của bạn, bạn dạy họ thì họ cũng y giáo phụng hành. Còn có một ý nghĩa nữa là "tâm đáo", tức là trong tâm bạn nghĩ đến cái gì thì sẽ thành tựu cái đó.

Trên họa đồ thì câu Chú này thuộc về Ma Hê Thủ La Thiên Vương. Ma Hê Thủ La Thiên Vương là ma vương của ngoại đạo, bỗng lai y cho rằng y lớn nhất, chẳng ai lớn bằng y; song y nghe đến câu Chú này thì phải chấp tay lại y giáo phụng hành, nếu y chẳng y giáo phụng hành thì không được. Cho nên bạn niệm câu chú "Y Hê Di Hê" này thì Ma Hê Thủ La Thiên Vương sẽ đến, lúc này, trong tâm của bạn nghĩ làm việc gì, kêu y đi làm thì y có thể lập tức y giáo phụng hành.

"Độc Lâu Trọng" là gì ? Độc Lâu tức là cái đầu lâu của con người. Bồ Tát Quán Thế Âm dụng câu Chú này để gia trì tu luyện cái đầu lâu; tu luyện thành rồi thì gọi là Độc Lâu Trọng. Một khi cầm Độc Lâu Trọng lên thì tất cả quỷ thần đều phải nghe mệnh lệnh, nghe gọi đến; nếu không nghe mệnh lệnh thì phải bị phạt. Do đó sức lực câu Chú này không thể nghĩ bàn.

37. Thất Na Thất Na.

"Thất Na Thất Na" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "đại trí huệ", còn gọi là "hoảng thế nguyện".

Đại trí huệ này là Bảo Kính Thủ Nhãn ở trong 42 Thủ Nhãn. Bảo Kính là gương báu, cũng là ví dụ 'đại viên cảnh trí' của Phật. Đại viên cảnh trí của Phật cũng giống như Bảo Kính Thủ. Do đó dịch ra ý nghĩa gọi là đại trí huệ. Còn gọi là hoảng thế nguyện. Hoảng cũng là lớn.

Đại trí huệ là gì ? Chúng sinh thì khởi vọng tưởng, còn Phật thì không có vọng tưởng. Sự nghĩ của Phật là do trí huệ phát ra, là trí huệ Bát Nhã chân chánh. Trí Bát Nhã là một thứ trí đại quang minh, một thứ đại quang minh. Vì sao có đại quang minh ? Vì có trí huệ chân chánh. Nếu chúng ta có trí huệ chân chánh thì có quang minh, nếu người ngu si thì họ sẽ đen tối. Quang minh tức là ánh sáng mặt trời, đen tối tức là âm khí. Vì sao bạn ngu si ? Vì bạn âm khí quá thịnh. Vì sao bạn thông minh ? Vì bạn thịnh ánh sáng mặt trời. Cho nên đại trí huệ này chẳng giống như tư tưởng của một số người; mà biện rõ được thị phi, chẳng cần hỏi ai, thấy thì biết ngay : "Như thế này thì không đúng, như thế kia thì đúng". Đường không đúng thì không đi, đường đúng thì tiến bước tu hành.

Tu hành trước hết phải có đại trí huệ, có đại trí huệ thì biện rõ được thị phi, biết "phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi". Bạn không thể biết rõ đây là việc không đúng mà bạn vẫn muốn làm. Bạn biết rõ là phạm giới mà bạn vẫn muốn thử xem có phạm hay không phạm, đó là ngu si nhất, chẳng có trí huệ. Bạn nói : "Chẳng phải ! tôi có trí huệ, song lúc đó lỡ làm sai". Lúc đó bạn làm sai thì lúc đó là ngu si, tức là chẳng có trí huệ; người có đại trí huệ thì chẳng nghĩ tưởng điên đảo. Cho nên Ngài A Nan mới nói : "Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tưởng, bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân." Nghĩa là : "Tiêu diệt nghĩ tưởng điên đảo của con trong ức kiếp, chẳng trải qua số kiếp A tăng kỳ mà đắc được pháp thân". Ưc kiếp ở đây chẳng phải là một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, năm kiếp hoặc là một trăm kiếp, một ngàn kiếp, một vạn kiếp mà nói không ra bao nhiêu đại kiếp.

Tại sao trong tâm của chúng ta có nhiều vọng tưởng? Vọng tưởng trước diệt thì vọng tưởng sau sinh ra, vọng tưởng sau diệt thì vọng tưởng sau nữa lại sinh ra, giống như sóng biển. Sóng ở trong biển tức là vọng tưởng của con người; vọng tưởng của chúng ta tức cũng là sóng ở trong biển. Bạn thấy biển thì cho rằng nó là vật chết, phải chăng? Biển không ra khỏi tâm của chúng ta, chúng sinh đều ở trong tâm của chúng sinh. Bạn thấy sóng trong biển không ngừng, vọng tưởng của chúng ta cũng giống như sóng, cái này diệt thì cái khác đến, cái khác nữa lại đến, vô cùng vô tận, nối tiếp không ngừng, cái sau theo cái trước, ai cũng chẳng lạc về sau, đều nghĩ chạy về phía trước, đó là vọng tưởng.

Tại sao lại có vọng tưởng? Vì chẳng có trí huệ. Nếu bạn có trí huệ thì sóng cũng chẳng có, "sóng yên, gió lặng", trong biển chẳng có sóng cũng giống như người tu hành đắc được định lực. Một khi đắc được định lực thì nước trí huệ sẽ hiện tiền, chẳng có sóng, chẳng có vọng tưởng. Lúc đó mới thật là thanh tịnh, thật là chẳng nhiễm một bụi trần, vạn sự vạn vật đều không, đó là biểu hiện đại trí huệ hiện tiền. Người có đại trí huệ thì làm việc gì cũng đều thành công; còn người chẳng có trí huệ thì làm việc gì cũng đều thất bại, cho nên trí huệ là quan trọng nhất. Ngu si là gì ? Vô minh tức là ngu si, ngu si tức là vô minh. Khi vô minh sinh ra thì bạn chẳng minh bạch. Cho nên có những người làm việc sai lầm, hỏi y rằng

: "Tại sao bạn làm như thế ?" Y nói : "Tôi không biết". Đó là gì ? Tức là ngu si, chẳng có trí huệ, là vô minh.

Song do vô minh làm ra việc sai mà mình còn không thừa nhận là vô minh, họ nói "I know ! Tôi biết". Biết mà còn làm sai ? Bạn thấy có kỳ quái chẳng ? Đó tức là người ngu si ! Chẳng có đại viên cảnh trí tức cũng chẳng tu Bảo Kính Thủ Nhãn. Nếu bạn có Bảo Kính Thủ Nhãn thì không ngu si. Bất cứ những gì đến, ma đến thì chém ma, Phật đến thì chém Phật, giống như bạn cầm một thanh kiếm bén, bất cứ việc gì đến thì thanh kiếm đều chặt đứt. Đại trí huệ cũng giống như thanh kiếm báu.

Có người nói thanh kiếm trí huệ rất nặng, chẳng dễ gì cầm lên. Bạn không cầm, chứ nếu bạn cầm thì chẳng phí sức; bạn không cầm thì nhẹ cũng là nặng; bạn cầm lên thì nặng cũng là nhẹ. Tại sao? Bạn cầm lên thì nặng cũng biến thành nhẹ. Nếu bạn cầm thanh kiếm trí huệ lên thì tất cả cảnh giới đến đều chém sạch, việc gì cũng chẳng có vấn đề. Cho nên tôi thường nói : "Everything's ok", tức cũng là đạo lý này. Nếu bạn không thể nào everything's ok thì bạn chẳng có thanh kiếm trí huệ, cho nên bạn không thể okay được. Nếu bạn có thanh kiếm trí huệ thì việc gì cũng chẳng có vấn đề. Bạn thấy bất cứ vấn đề gì mà gì cũng đều chẳng có vấn đề, đó là chỗ diệu.

Trên thế giới này, hết thầy tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa, y báo, chánh báo đều không ra ngoài một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Y báo là gì ? Tức là sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc. Chánh báo là gì ? Tức là thân thể của chúng ta đang thọ quả báo ở đây. Nếu bạn minh bạch thì tức cũng chẳng có vô minh; chẳng có vô minh tức là có đại trí huệ. Cũng giống như tấm gương, "vật đến thì chiếu", cảnh vật gì đến đều hiện ra; "vật đi thì lặn", cảnh vật đi rồi thì chẳng còn nữa. Cho nên người có trí huệ gặp cảnh giới gì đến thì thuận theo cảnh giới đó, xử lý xong thì trong tâm của họ chẳng tồn tại. Tuy là chẳng tồn tại, Song thường hiện; tuy thường hiện mà chẳng tồn tại. Chẳng phải giống như chúng ta, chẳng có trí huệ, có một việc gì đến thì dùng đến gân não, đặc biệt chú ý nhớ việc đó hoặc là đọc nhiều lần. Giống như hôm nay giảng về "Y Hê Di Hê, Thất Na Thất Na", đọc một lần thì chẳng nhớ, đọc hai lần, ba lần, đọc mấy trăm lần "Thất Na, Thất Na, Thất Na" mới nhớ, đó là miễn cưỡng. Không miễn cưỡng thì thấy một lần liền nhớ, không bao giờ quên, đây gọi là lọt qua mắt không quên. Vì sao lọt qua mắt không quên ? Vì nó giống như tấm gương.

Người có trí huệ thì biết được tất cả mọi vật đều ở trong tâm của mình, cho nên cũng chẳng có tâm tham, chẳng có tâm sân, chẳng có tâm si, chẳng có tâm ngã mạn, chẳng có tâm hoài nghi. Tại sao? Đó đều là duy tâm sở hiện ! Ở trong tâm vốn có mọi vật, bất cứ vật tốt cũng chẳng có vấn đề, vật xấu cũng chẳng có vấn đề, tất cả đều chẳng có vấn đề.

Song, cảnh giới này nói ra rất là dễ dàng, khi làm cũng phải dùng một chút công phu mới có thể đắc được. Cảnh giới này nếu người chẳng có công phu thì sẽ nói: "Đối với tất cả mọi việc tôi cũng chẳng có vấn đề gì". Bên ngoài chẳng có vấn đề, song bên trong phát sinh vấn đề, ở bên trong của bạn với bạn đánh nhau. Do đó người có trí huệ chân chánh rất là ít.

Hơn nữa, nếu người đó có đại trí huệ thì hãy xem là trí huệ thế gian hay là trí huệ xuất thế gian. Trí huệ thế gian tức là thế trí biện thông, họ rất khéo ăn khéo nói, chẳng có đạo lý, họ cũng nói rất có đạo lý. Người chẳng có trí huệ nghe thì cho rằng: "Họ nói rất có đạo lý, không sai! Lời họ nói rất hay". Kỳ thật, nếu người có trí huệ chân chánh thì chẳng nghe những lời của kẻ ngu nói. Họ nói đạo lý ngu si thì không thể ở trong ngu si của bạn, đây gọi là "trong dương có âm", trong trí huệ có ngu si, là "trong âm cũng có dương", trong ngu si cũng có trí huệ. Ví như người nào đó, bạn thấy ông ta chẳng nói nhiều, cũng là một người rất bình thường, song ông ta làm việc gì cũng đều hợp đạo lý; thấy ông ta có vẻ rất ngu si, dốt nát song ông ta làm gì cũng rất chánh đáng. Có rất nhiều trường hợp như thế, cho nên bạn quán sát người thì hãy xem bạn có trí huệ chân chánh chẳng! Nếu bạn có trí huệ chân chánh thì không nghe lời kẻ ngu nói, còn nếu bạn chẳng có trí huệ chân chánh thì sẽ bị người làm cho ngu. Trí huệ là như thế, những thứ khác cũng như thế.

Trí huệ và ngu si có mối quan hệ với nhau. Bạn chẳng có ngu si tức là trí huệ, nếu không có trí huệ thì tức là ngu si. Ngu si tức là trí huệ, trí huệ tức là ngu si. Trí huệ và ngu si là một, bạn dùng được tức là trí huệ; không dùng được tức là ngu si. Giống như bạn vốn có kiếm trí huệ này, bạn cầm lên tức là trí huệ, buông xuống tức là ngu si, chẳng phải hai mà là một. Do đó bạn đừng nói rằng: "Đi tìm trí huệ, xua đuổi ngu si đi". Chẳng phải, mà là biến. Ví như lòng bàn tay là trí huệ, mặt trái bàn tay là ngu si. Nếu bạn dùng mặt trái bàn tay cầm đồ thì không cầm được; song bạn dùng lòng bàn tay cầm đồ thì cầm được. Cầm đồ lên không được là ngu si, cầm đồ lên được là trí huệ.

Ai ai cũng đều dùng bàn tay, trí huệ cũng giống như thế; nó là một, song là hai bên, xem bạn dùng bên nào. Bây giờ bạn đã hiểu chẳng? Có người nói: "Tôi đã hiểu Phật pháp, trí huệ và ngu si tức là bàn tay". Sai rồi! Đó là tôi ví dụ bàn tay, bạn đừng cho rằng trí huệ và ngu si tức là bàn tay; cũng giống như ngón tay chỉ mặt trăng, bạn đừng cho rằng đầu ngón tay là mặt trăng.

Bây giờ giảng về đại trí và hoằng thệ. Hoằng cũng là đại (lớn). Thệ là thệ nguyện, tức là ta phát thệ nguyện, nghĩ muốn làm gì. Giống như Phật A Di Đà trước khi chưa thành Phật, làm Tỳ Kheo Pháp Tạng phát ra 48 lời thệ nguyện, đó là thệ nguyện của Phật A Di Đà.

Bồ Tát Phổ Hiền phát ra 'mười đại nguyện vương' rằng: "Một là lễ kính chư Phật, hai là khen ngợi Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, bốn là sám hối nghiệp

chương, năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh Phật chuyển pháp luân, bảy là thỉnh Phật ở lại đời, tám là thường theo Phật tu học, chín là luôn luôn thuận theo chúng sinh, mười là hồi hướng công đức đến khắp hết tất cả chúng sinh.

Bồ Tát Quán Thế Âm cũng phát nhiều thệ nguyện. Các vị Tổ Sư khác cũng phát nhiều thệ nguyện. Chúng ta bây giờ học Phật pháp, mỗi người cũng nên phát nguyện của mình. Tôi nói với các bạn, bất quá phát hay không là do các bạn, chẳng phải tôi ép các bạn phát nguyện, phải do các bạn tự phát nguyện. Vì các bạn chẳng hiểu nên tôi khuyên. Bạn phát nguyện càng lớn thì càng tốt, nguyện lực của bạn lớn thì thành Phật cũng rất lớn. Bạn thấy Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện, nguyện nào cũng đều độ chúng sinh, nguyện nào cũng trang nghiêm cõi nước. Cho nên chúng ta tại nhân địa học Phật pháp đều nên phát nguyện. Mỗi người có thể biên lời nguyện của mình ra, bạn phát ra bao nhiêu lời nguyện thì biên ra rõ ràng, đừng câu thả bừa bãi, nói như vậy : "Tôi phát nguyện độ chúng sinh". Độ như thế nào ? Bạn suốt ngày đến tối cứ nghĩ muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà tốt, đi độ chúng sinh này chẳng ? Kết quả là độ chúng sinh của chính mình, độ cái bụng chúng sinh của mình, độ chúng sinh thân thể của mình, như thế thì không được. Bạn phải nói rõ ràng lời nguyện của bạn phát ra, tương lai như thế nào ? Hiện tại ra sao ? Quá khứ, hoặc là có dụng công, chẳng dụng công, có tu hành, chẳng tu hành, đây chẳng thành vấn đề, chỉ hỏi bạn tương lai phải như thế nào ? Bạn phát nguyện càng lớn thì quả vị tương lai cũng lớn. Ở trên giảng "Thất Na Thất Na", tức là đại trí hoàng thệ. Hoàng là lớn, thệ là thệ nguyện. Chúng ta là người học Phật pháp, phải phát thệ nguyện. Thệ nguyện rất là quan trọng. Chúng ta người tu đạo nếu chẳng có thệ nguyện thì giống như bạn chẳng biết có lỗi nào tu hành, cũng chẳng có hướng đạo, cho nên đường của bạn đi chẳng biết có đúng hay không đúng; nếu bạn có thệ nguyện cũng giống như có hướng đạo. Giống như chúng ta du lịch, có người đưa chúng ta đi khắp nơi, giới thiệu tình hình chỗ bạn đi qua, đó là hướng đạo, ví như lời nguyện của bạn.

Tại sao chư Phật Bồ Tát khi tu đạo đều phải phát nguyện? Tức cũng như bạn có phát nguyện, sau đó có hành vi. Cho nên Bồ Tát Địa Tạng tại nhân địa phát nguyện rằng : "Địa ngục bất không, thệ bất thành Phật, chúng sinh độ tận, phương chứng bồ đề". Bạn thấy đó lời nguyện của Ngài, rất là vĩ đại ! Do đó hiện nay chúng ta học Phật pháp cũng nên phát nguyện, ai muốn làm gì thì đừng ngại phát nguyện.

38. A La Sâm, Phật La Xá Lị.

"A La Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "chuyển luân pháp vương". Chuyển là vận chuyển, luân là bánh xe pháp, tức là Đấng Pháp Vương chuyển bánh xe pháp. Chuyển đại pháp luân là luôn luôn diễn nói diệu pháp đại thừa, đạo lý nói ra rất thâm sâu vi diệu, những người khác nói không được vi diệu pháp mà bạn giảng giải rất tỉ mỉ, đó gọi là chuyển luân pháp vương.

Thủ Nhãn này là "Chương Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn". Bạn tu pháp này thì đời đời kiếp kiếp đều luôn luôn theo chư Phật tu học, luôn luôn sinh vào chỗ của chư Phật.

Ở Đài Loan cũng có vị Pháp sư nào đó giảng Chú Đại Bi, mỗi một Thủ Nhãn ông ta đều giảng thành một vị Bồ Tát. Ví như "Chương Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn" thì ông ta nói là "Chương Thượng Hóa Phật Bồ Tát Thủ Nhãn". Đó là sai một ly đi một dặm. Tại sao? Vì vốn chẳng có tên vị Bồ Tát này ! Bạn hãy mở toàn bộ Đại Tạng Kinh ra, từ đầu đến cuối chẳng có một Bồ Tát nào gọi là "Chương Thượng Hóa Phật Bồ Tát", chẳng có. Bạn có thể nói như vậy : "Bồ Tát tu Chương Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn"; ý nghĩa này khác nhau. Bạn đem tên của Thủ Nhãn làm tên cho Bồ Tát, như thế thì chẳng có căn cứ, chẳng có căn cứ thì bạn tìm không ra tên của Bồ Tát này.

Giống như câu này ông ta cũng nói : "Nhu Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhãn". Như ý châu là tên của hạt châu, hoặc là có một vị Bồ Tát cũng gọi tên đó, song 42 Thủ Nhãn chẳng phải là tên của 42 vị Bồ Tát, chẳng phải. Ở đây chỉ có thể nói "Bồ Tát tu Như Ý Châu Thủ Nhãn", không thể nói : "Nhu Ý Châu Bồ Tát Thủ Nhãn". Bạn nói như thế thì đã sai lại càng sai, bạn cũng không thể nói : "Bảo Bát Bồ Tát Thủ Nhãn", chỉ có thể nói : "Bồ Tát tu Bảo Bát Thủ Nhãn", chẳng phải Bảo Bát là tên của Bồ Tát. Tôi thấy họ ở Hương Cảng giảng lại quyển "Đại Bi Kinh giảng nghĩa" cũng giảng như thế, biến 42 Thủ Nhãn thành 42 tên của Bồ Tát, đó là sai lầm.

Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn này đều là sở tu của Bồ Tát, chứ chẳng phải là tên của 42 vị Bồ Tát, chỗ này, chúng ta học Phật pháp phải nên biết. Giảng Phật pháp nhất định phải có căn cứ, chẳng có căn cứ mà giảng Phật pháp thì không chánh quyết. Cho nên "A La Sâm" là Chương Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn, là sở tu của Bồ Tát. Vị Bồ Tát nào? Vị Bồ Tát này không nhất định. Ai tu 42 Thủ Nhãn thì người đó là vị Bồ Tát đó, ai không tu thì người đó chẳng phải là vị Bồ Tát đó. Bạn tu 42 Thủ Nhãn thành công rồi thì bạn sẽ chứng đắc quả vị Bồ Tát.

"Phật La Xá Lợi" là Tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "giác thân tử". Các bạn còn nhớ Xá Lợi Phất còn gọi là "Xá Lợi Tử" chẳng ? Dịch ra nghĩa là "thân tử", tức là "xá lợi".

"Phật La Xá Lợi" là 'giác thân tử,' đây là Sở Châu Thủ Nhãn sở tu của Bồ Tát; sở châu cũng là niệm châu. Bồ Tát tu Sở Châu Thủ Nhãn thì có thể đắc được mười phương chư Phật cấp tốc đến nhiếp thọ, mười phương chư Phật tiếp dẫn vị đó đến mười phương thế giới thành Phật.

39. Phạt Sa Phạt Sâm.

"Phật Sa Phật Sâm" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hoan ngữ hoan tiêu", tức là thích nói, rất hoan hỉ nói. Còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Đại Trượng Phu"; còn có một ý nghĩa nữa, dịch ra là "Vô Thượng Sĩ", đó là ba ý nghĩa.

Trong 42 Thủ Nhãn thì câu Chú này thuộc về "Bảo Cung Thủ Nhãn", ai tu Thủ Nhãn này, nếu là người tại gia thì có thể làm quan lớn, nếu là người xuất gia thì có thể chứng quả A La Hán.

40. Phật La Xá Gia.

"Phật La Xá Gia". Ở trên là "Phật La Xá Lị", dịch ra nghĩa là "giác thân tử", còn "Phật La Xá Gia" dịch ra nghĩa là "tượng". Ý ở đây nói là nếu trong tâm của bạn giác ngộ thì làm con của Đấng Tượng Vương. Con của Đấng Tượng Vương tức cũng là Pháp Vương Tử (con của Đấng Pháp Vương), tương lai sẽ làm Đấng Pháp Vương tối cao, cho nên nói "giác tâm giác tượng vương", là ý nghĩa đại khái của câu Chú này.

Câu Chú "Phật La Xá Gia" này là nói bản thân của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là sư phụ của Bồ Tát Quán Thế Âm; vì Bồ Tát Quán Thế Âm nơi nơi đều cung kính sư phụ của Ngài, cho nên Ngài nói Chú Đại Bi cũng là tôn trọng sư phụ của Ngài. Câu Chú này là Phật A Di Đà phóng quang để chiếu đến người trì Chú. Câu Chú này tức cũng là "Tử Liên Hoa Thủ". Trong 42 Thủ Nhãn có Bạch Liên Hoa Thủ, Thanh Liên Hoa Thủ, Tử Liên Hoa Thủ, Hồng Liên Hoa Thủ. Tu Tử Liên Hoa Thủ Nhãn có thể gặp được mười phương chư Phật, do đó Tử Liên Hoa Thủ này rất là quan trọng.

41. Hô Lô Hô Lô Ma La.

"Hô Lô Hô Lô Ma La" cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp, như ý", còn có ý nghĩa nữa là "tổ pháp mạc ly ngã". Câu Chú này là "Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhãn". Chúng ta tu 42 Thủ Nhãn gọi là "tác pháp". "Như ý" là toại tâm như ý. Bạn tu Thủ Nhãn này thành công rồi thì sẽ toại tâm như ý.

"Tổ pháp mạc ly ngã", "tổ pháp" tức là tu hành, tức là chính mình phải tu hành, chứ chẳng phải kêu người khác tu hành. Cho nên tu pháp này thì pháp này chẳng lừa ta, ta cũng chẳng lừa pháp này, "ta, pháp", biến thành một. Tức nhiên biến thành một, cũng chẳng có pháp, cũng chẳng có ta; ta và pháp hai chấp đều không; cũng chẳng có pháp chấp, cũng chẳng có ngã chấp, đây gọi là "mạc ly ngã". Tu Kim Chạc Ngọc Hoàn Thủ Nhãn hay khiến cho tất cả chúng sinh đều nghe sự giáo hóa của bạn; bạn giáo hóa họ tu hành pháp gì thì họ tu pháp đó.

42. Hô Lô Hô Lô Hê Lị.

"Hô Lô Hô Lô Hê Lị": Câu Chú này cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "tác pháp vô niệm". Còn gọi là "tác pháp tự tại". Ở trên là tác pháp như ý, đây là tác pháp vô niệm. Như ý thì vẫn còn có một ý niệm; bây giờ vô niệm thì dù một niệm cũng chẳng có, tác pháp thì chẳng có bất cứ một niệm gì. Còn một niệm thì còn vọng tưởng, bạn chẳng còn niệm thì chẳng còn vọng tưởng; chẳng còn vọng tưởng cho nên tác pháp tự tại, biến thành Quán Tự Tại.

Câu Chú này là "Bảo Bát Thủ", là Thủ Nhãn thứ ba trong 42 Thủ Nhãn. Bảo Bát Thủ có công năng gì? Hay giải trừ tất cả bệnh đau của chúng sinh. Giống như bây giờ một số người xuất gia rất tin Chú Đại Bi, bèn gia trì 'nước Chú Đại Bi'. Nếu ai có bệnh thì gia trì một ly 'nước đại bi' cho họ uống. Uống vào có khi bệnh khỏi, có khi bệnh không khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn. Nhân duyên của bạn uống 'nước Chú Đại Bi' khỏi bệnh thì bạn sinh niềm tin, tin Bồ Tát Quán Thế Âm; có khi bệnh không khỏi thì bạn chẳng tin, chẳng tin Bồ Tát Quán Thế Âm.

Kỳ thật, có khi cũng không khỏi, có khi mau khỏi, đó là xem nhân duyên của bạn với bệnh nhân. Nếu bạn và y có duyên thì y uống 'nước đại bi' của bạn sẽ khỏi bệnh; nếu chẳng có duyên mà uống 'nước đại bi' thì y cũng chẳng có niềm tin, bệnh cũng chẳng khỏi. Nói tóm lại, có đủ thứ nhân duyên mới có thể giúp thành pháp duyên này. Nếu bạn có sự tu hành thì đối phương mới có tâm thành. Song bạn có sự tu hành mà đối phương chẳng thành tâm uống 'nước đại bi', hoặc là không khỏi bệnh. Hoặc bạn chẳng có sự tu hành mà đối phương có tâm thành, uống 'nước đại bi' thì cũng sẽ khỏi bệnh. Ở đây có đủ thứ quan hệ, có khi người này nghiệp chướng nặng, và 'nước đại bi' của bạn không có công lực lớn mấy, cho nên y uống vào thì bệnh cũng chẳng hết. Có khi người đó nghiệp chướng nhẹ, và 'nước đại bi' của bạn rất có công phu. Gì gọi là có công phu? Tức là bạn luôn luôn trì Chú Đại Bi thì có một sức lực cảm ứng đạo giao, cho nên bệnh của người đó được lành. Do đó, bất cứ việc gì cũng đều có đủ thứ nhân duyên ở trong đó để hỗ trợ, có đủ thứ trợ duyên mới thành tựu. Bạn đừng cho rằng tôi tu "Bảo Bát Thủ", tôi gia trì 'nước đại bi', sao chẳng có chút công hiệu nào? Phải chăng 'nước đại bi' chẳng có công hiệu, là vì công phu của bạn không đủ, cho nên công hiệu cũng giảm bớt.

Vì vậy, có những kẻ ngoại đạo cũng dùng 'nước đại bi' cho bệnh nhân uống, rất linh nghiệm, rất có công lực. Tại sao? Vì có những kẻ ngoại đạo có thiên ma đến trợ giúp họ. Thiên ma trợ giúp người tu hành đó khiến cho một số người tin họ thì họ dễ dàng dẫn những người đó đi vào trong thiên ma ngoại đạo. Cho nên cùng tu một pháp môn mà có nhiều sự việc khác nhau.

Chúng ta muốn dùng ‘nước đại bi’ để cho bệnh nhân uống, đó cũng là một trong những hạnh của Bồ Tát đạo, song bạn phải hành Bồ Tát đạo, trước hết tu Bồ Tát hạnh. Bạn phải tồn tâm chẳng có tướng người, tướng ta, tướng thọ mạng, tướng chúng sinh.

Bạn đừng cho rằng : Tôi hay trị lành bệnh cho mọi người, tôi niệm Chú Đại Bi rất có cảm ứng. Đừng có tâm niệm như thế, tại sao ? Vì bạn có tâm niệm như vậy là có sở chấp trước, có chấp trước thì có ma chướng. Nếu bạn chẳng có tâm niệm như thế thì vẫn có ma chướng. Vì một số người có mao bệnh hoặc là nghiệp, hoặc là ma. Nếu bị nghiệp chướng mà bạn chữa khỏi thì chẳng có vấn đề gì, nếu họ bệnh về ma chướng, có ma mà bạn nghĩ muốn cho họ hết bệnh, thì con ma sẽ nghĩ muốn tìm bạn để đấu tranh. Nếu đạo lực của bạn không đủ thì sẽ nhập vào cảnh giới ma vương. Dù bạn có đạo lực cũng sẽ kết oán với con ma đó. Kết oán thì con ma sẽ muốn tìm cơ hội để đấu tranh với bạn. Trong quá khứ, tôi rất thích trị bệnh cho người, ai có bệnh thì tôi nhất định nghĩ cách trị cho khỏi, song về sau tôi gặp ma chướng rất lớn.

Tôi đã từng nói qua, lúc tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc thì quái vật ở trong nước muốn dùng nước giết chết tôi, song chẳng giết chết tôi được, chúng giết chết khoảng năm sáu chục người, nhà cửa bị sập đổ khoảng tám chín trăm căn nhà. Về sau khi tôi từ Thiên Tân đến Thượng Hải, đi bằng đường biển thì quái vật ở trong biển lại muốn làm lật thuyền của tôi đi, cho nên cũng sém làm môi cho cá. Từ đó về sau, tôi đến nội địa rất ít chữa bệnh cho người.

Việc chữa bệnh rất dễ kết oán, lại rất dễ kết duyên. Nếu bạn chữa bệnh cho người khỏi hẳn thì người đó sẽ biến phương pháp để cúng dường bạn, hoặc là cho bạn ăn vật ngon, hoặc là cho bạn đồ tốt, hoặc là cúng dường chút tiền cho bạn. Đó cũng rất dễ hóa duyên, song cũng rất dễ kết oán, cho nên vấn đề này cũng có tốt cũng có xấu. Nếu bạn chẳng còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, bốn tướng thì có thể làm. Nếu bốn tướng chưa phá được thì rất dễ bị ma chướng. Muốn kết duyên chữa bệnh cho người nên có đủ thứ quan hệ như thế.

43. Sa La Sa La.

"Sa La Sa La": Bạn nghe âm thanh này rất là lợi hại. Đây là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "kiên cố lực". Sức lực này đặc biệt kiên cố, chẳng có ai phá hoại được. "Sức kiên cố" này có thể phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo.

Câu Chú này là "Kim Kang Xử Thủ", tức cũng là "Bảo Xử Thủ". Bảo Xử Thủ này hay phá tan tất cả ma oán, cho nên gọi là ‘sức kiên cố’.

44. Tất Lị Tất Lị.

"Tất Lị Tất Lị": Lại là tiếng Phạn, dịch ra có ba ý nghĩa.

1. Là "dững mãnh", giống như tác chiến chỉ có thắng, chứ không thể bại.
2. Là "thù thắng", rất là đặc biệt, tức cũng chỉ có thắng lợi chứ không thể thất bại.
3. Là "cát tường". Vì bạn dững mãnh mới thắng lợi; bạn thắng lợi mới cát tường. Đây là "Hợp Chương Thủ", có thể khiến cho tất cả quý thần, rồng rắn hổ báo sư tử, người, chẳng phải người đều cung kính. Song, phải thắng lợi, cát tường, phải có tâm dững mãnh, chẳng phải miệng nói suông mà nhất định phải thực hành.

45. Tô Lô Tô Lô.

"Tô Lô Tô Lô" cũng là Tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "nước cam lồ". Cho nên đây là "Cam Lô Thủ Nhân". Nước cam lồ này cũng rất là hữu dụng. Nước cam lồ hay khiến cho nạ quý được no đủ, được như ý, được cát tường, hết đói khát, có nhiều diệu dụng. Nước cam lồ còn gọi là thuốc bất tử. Bạn uống nước cam lồ này thì dù là người sắp chết cũng không thể chết được, song bạn không dễ gì có được. Nếu bạn có nước cam lồ thì người chết rồi cũng có thể cứu sống lại.

46. Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ.

"Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ": Hai câu Chú này là tiếng Phạn, nghĩa là "giác đạo" hoặc là "giác tâm". Bạn muốn đắc được giác đạo thì trước hết phải có tâm giác ngộ ; nếu bạn chẳng có tâm giác ngộ thì không thể tu đạo giác ngộ. Cho nên chúng ta người tu đạo, trước phải có tâm chân chánh giác ngộ, sau mới có thể tu thành đạo giác ngộ.

Hai câu Chú này là "Bất Thôi Kim Luân Thủ Nhân". Bất Thôi Kim Luân tức là tâm bồ đề vĩnh viễn không thối chuyển.

Từ nay cho đến khi thành Phật, tâm bồ đề đã phát ra phải càng ngày càng tinh tấn, vĩnh viễn không thể thối chuyển. Vì tâm bồ đề không thối chuyển, cho nên bạn sớm sẽ thành tựu quả vị Phật, nếu bạn thối thất tâm bồ đề thì thành Phật chậm một chút. Chúng ta là người học Phật pháp nên ngày càng tinh tấn, ngày càng phát tâm đại bồ đề, đừng thối thất tâm bồ đề. Giống như luôn luôn đến Phật đường để nghe giảng Kinh, phải có tư tưởng rất khó khăn mới nghe được Kinh, vì pháp hội này chẳng dễ gì gặp được. Bạn thấy pháp hội của chúng ta rất

đơn giản, song hiện nay trên thế giới này bạn tìm pháp hội tinh tấn như chúng ta, hằng ngày giảng Kinh, hằng ngày thuyết pháp, giống như nước sông chảy hằng ngày, không ngừng, có thể nói là không có. Trên thế gian này, chúng ta gặp được pháp hội như thế này, bất cứ chúng ta như thế nào cũng ở trong sự bận rộn mà đến nghe Kinh, nghe pháp; mỗi khi có người giảng Kinh thì bạn nên đến tùy hỷ đạo tràng, ủng hộ đạo tràng. Chúng ta ở đây mỗi buổi tối đều có giảng Kinh, cho nên mỗi buổi tối đều nên đến ủng hộ pháp hội. Chúng ta đừng có phân biệt nói : Tối hôm là người nào giảng, người đó giảng không hay lắm, tôi không đi nghe. Đừng có tâm như thế ! Bạn nghe lâu rồi thì bất cứ ai giảng cũng đều có chân lý, đều có chỗ phát minh. Cho nên nếu người nào có thời gian đều nên tùy hỷ pháp hội, đừng lười biếng. Vì pháp môn này trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được. Hiện nay chúng ta đã gặp thì hãy dũng mãnh tinh tấn. Bạn dũng mãnh tinh tấn thì không thối thất tâm bồ đề. Không thối lùi có ba thứ : Vị không thối lùi, niệm không thối lùi và hành không thối lùi.

Vị không thối lùi : Nếu bạn đã chứng quả thì không thối lùi về phàm phu. Nếu bạn chứng được quả Bồ Tát thì không thối lùi về A La Hán; nếu bạn chứng được Phật quả thì không còn thối lùi về quả vị Bồ Tát, trừ khi bạn hoan hỷ nói tôi chứng được quả vị Phật, song tôi còn hiện thân Tỳ Kheo để giáo hóa chúng sinh.

Niệm không thối lùi : Giống như chúng ta học Phật pháp, có khi cảm thấy chẳng có ý nghĩa gì, tôi chẳng muốn tu hành nữa, chẳng muốn đi nghe Kinh, đó là ý niệm thối lùi. Tôi không thích đến Chùa, không thích đi lễ Phật, đó là niệm thối lùi. Niệm thối lùi thì ma chướng sẽ sinh ra; ma thì rất thích bạn thối lùi. Nếu bạn niệm không thối lùi thì nghe Phật pháp, càng nghe càng thích nghe, càng thích nghe thì càng nghe, đó là niệm không thối lùi. Niệm không thối lùi thì hành phải không thối lùi.

Hành không thối lùi : Hành là tu hành, tu hành càng ngày càng tiến bộ, ngày càng dụng công. Dũng mãnh tinh tấn phát tâm đại dũng mãnh để tu đạo, đó là hành không thối lùi.

Bạn tu "Bát Thối Kim Luân Tử" thì đời này cho đến khi thành Phật, tâm bồ đề của bạn vĩnh viễn không thối lùi, cần nhất bạn phải tu hành.

47. Bồ Đà Dạ Bồ Đà Dạ.

"Bồ Đà Dạ Bồ Đà Dạ": Bồ Đề Dạ và Bồ Đà Dạ, khác nhau về chữ ở giữa. Câu này là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "Trí Giả", còn gọi là "Giác Giả". Ở trên là "giác đạo, giác tâm", ở đây là "Trí Giả, Giác Giả". Trí là trí huệ; giác là giác ngộ. Đây là người có trí huệ và giác ngộ chân chánh.

Đây là "Đỉnh Thượng Hóa Phật Thủ Nhãn". Hóa Phật ở trên đỉnh, Hóa Phật Thủ tức là Giác Giả (Bạc Giác Ngộ). Trí và giác vốn chẳng khác mấy. Trí là biết, là một giai đoạn ở trước sự giác ngộ; giác, tức là đã giác ngộ, tức là biết sự việc về sau. Cho nên khi trên đỉnh của bạn có hóa Phật, thành tựu Thủ Nhãn này thì lúc đó bạn là người có trí huệ chân chánh, tức cũng là Bạc Giác Ngộ. Bạn tu Thủ Nhãn này thì có thể được mười phương chư Phật cấp tốc đến rờ đầu thọ ký.

Chúng ta người tu đạo, đều có một sự cảm giác; hoặc là bạn niệm Phật, hoặc trì Chú hoặc tu thiền định. Có khi ở trên đầu cảm thấy giống như có vật gì đang đi, hoặc giống như có con gì bò đi bò lại, cảm thấy như có vật gì ở trên đỉnh đầu, bạn lấy tay rờ thì chẳng có gì hết. Tôi nói cho bạn biết, lúc đó là mười phương chư Phật đến rờ đầu thọ ký cho bạn, bất quá bạn chẳng đắc được thiên nhĩ thông nên bạn chẳng nghe được; bạn chẳng đắc được thiên nhãn thông nên bạn cũng chẳng thấy được. Song mười phương chư Phật hết lòng đến rờ đầu thọ ký cho bạn.

Cho nên nếu có tình hình này là bạn tu hành có sự cảm ứng, song đừng sinh tâm vui mừng, cũng đừng sinh tâm kiêu ngạo, đừng cho rằng Phật đích thân đến rờ đầu tôi, Phật đến gia trì cho tôi. Gia trì tức là dùng tay để rờ đầu bạn. Nếu bạn có tâm vui mừng, có tâm kiêu ngạo đều là một thứ chấp trước. Đã là chấp trước thì dù cảnh giới tốt cũng sẽ biến thành không tốt. Giống như trong Kinh Lăng Nghiêm có đủ thứ cảnh giới, bạn vốn tu hành có cảm ứng, song nếu bạn cho rằng là bạn đắc được cảnh giới tốt, tức nhập vào đường tà, bị ma chướng. Cho nên tu hành phải như như bất động, Bất cứ là cảnh giới tốt, cảnh giới không tốt, cảnh giới lành, cảnh giới ác, đều không lay động. Nếu bạn không lay động thì có định lực; bạn có định lực thì sau đó sẽ sinh ra huệ lực chân chánh; sinh ra huệ lực chân chánh thì bạn là bậc trí huệ, thì bạn là bậc giác ngộ.

48. Di Đê Lị Dạ

"Di Đê Lị Dạ": Câu Chú này lại là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "chánh lượng". Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "đại lượng", tức là số mục rất nhiều. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "tâm đại từ bi". Tâm từ bi này sao gọi là đại? Vì chẳng có biên tế, cho nên gọi là lớn. Tâm đại từ bi này hay bảo hộ tất cả chúng sinh được an ổn khoái lạc, chẳng có sợ hãi và tai nạn.

Thủ Nhãn này là "Tích Trượng Thủ Nhãn". Trên tích trượng có ba bộ phận và chín cái khoen. Trước kia người xuất gia đều mang tích trượng, mỗi khi đi đường cây tích trượng phát ra âm thanh, tức khiến cho súc sinh ở dưới đất nghe tiếng động thì bỏ chạy, khiến cho bạn không đạp chết chúng. Tích trượng là một thứ pháp bảo ở trong Phật giáo. Bạn thấy Bồ Tát Địa Tạng luôn luôn cầm cây tích trượng dùng để mở cửa địa ngục, đó là chìa khoá mở cửa địa ngục. Cho nên tu Thủ Nhãn này thì có thể dưỡng tâm của bạn thành tâm đại từ bi để cứu hộ tất cả chúng sinh.

49. Na La Cẩn Trì

"Na La Cẩn Trì" : Cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hiền ái, hiền thủ", ý nói là đứng đầu trong hàng Thánh Hiền. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thiên hộ, thiên đĩnh", ý nói là khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, khéo độ thoát chúng sinh đến quả vị tối cao.

Thủ Nhân này gọi là "Bảo Bình Thủ Nhân", còn gọi là "Tịnh Bình Thủ Nhân", còn gọi là "Hồ Bình", tức cũng ở trong Cam Lộ Thủ Nhân của Bồ Tát Quán Thế Âm, tịnh bình đựng nước cam lồ. Tịnh bình này có thể trừ khử tất cả ô uế của thế gian, vì trừ khử tất cả ô uế nên cũng bao quát hay giải trừ tất cả bệnh tật của chúng sinh, cho nên gọi là thiên hộ, thiên đĩnh. Bồ Tát tu Thủ Nhân này cũng khéo hộ niệm tất cả chúng sinh, cho nên nếu tu Bảo Bình Thủ này thành công thì cũng có thể trợ giúp tất cả chúng sinh, giải trừ tai nạn của tất cả chúng sinh.

50. Địa Lị Sắt Ni Na.

"Địa Lị Sắt Ni Na": Câu Chú này dịch ra nghĩa là "kiên lợi", kiên là kiên cố, lợi là phong lợi, rất mau vô cùng. Còn dịch ra nghĩa là "kiếm", tức là mật bảo kiếm rất bén nhọn.

Đây là "Bảo Kiếm Thủ Nhân". Bảo Kiếm Thủ Nhân này có tác dụng gì ? Trước kia khi tôi dạy Bốn Mười Hai Thủ Nhân đã có nói qua.

Bảo Kiếm Thủ Nhân hàng phục được tất cả lị mị, vọng lượng, quỷ thần, v.v... Bạn tu Thủ Nhân này thành công thì tất cả thiên ma ngoại đạo, lị mị, vọng lượng đều lão thực, vì chúng sợ bảo kiếm này của bạn. Thủ Nhân này rất là lợi hại, hay phá tan tất cả thiên ma ngoại đạo, hàng phục tất cả thiên ma ngoại đạo. Bất cứ thiên ma ngoại đạo nào nếu không nghe bạn giáo hóa thì bạn có thể dùng bảo kiếm này chém chúng, cho nên Thủ Nhân này lợi hại vô cùng.

51. Bà Gia Ma Na.

"Bà Gia Ma Na" : Là tiếng Phạn, dịch ra có rất nhiều nghĩa. Nghĩa thứ nhất là "danh văn", vì tên của Ngài trong mười phương thế giới đều nghe, đều biết. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "hỉ xưng", vì mười phương chư Phật đều hoan hỉ khen ngợi kêu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "thành danh", thành tựu tên của bạn. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "nhất thiết nghĩa thành tựu", tất cả mọi việc đều có thể thành tựu.

Thủ Nhãn này gọi là "Bảo Tiễn Thủ Nhãn". Bạn tu Thủ Nhãn này thì có thể khiến cho bạn mau gặp được tất cả bạn bè tốt.

52. Ta Bà Ha.

"Ta Bà Ha": Câu này rất quan trọng. Trong Chú Đại Bi có mười bốn câu "Ta Bà Ha", mỗi một câu Ta Bà Ha đều có sáu ý nghĩa, do đó bạn nên nhớ, bất cứ trong câu Chú nào có Ta Bà Ha thì đều có sáu ý nghĩa.

Sáu ý nghĩa là : Ý nghĩa thứ nhất là "thành tựu". Bạn niệm Chú này thì tất cả mọi sở cầu, mọi sự hy vọng đều sẽ thành tựu. Nếu không thành tựu thì bạn chẳng thành tâm, nếu bạn thành tâm thì sẽ thành tựu. Nếu bạn có chút nghi ngờ trong Chú này thì sẽ không thành tựu; bạn phải có tâm tin chân thật thì sẽ thành tựu.

Ý nghĩa thứ hai là "cát tường". Bạn tụng Chú này thì tất cả sự việc không cát tường đều sẽ cát tường, song bạn phải có tâm tin chân thật; nếu bạn chẳng có tín tâm thì không thể cát tường được. Khi bạn tụng Chú tin hay không tin Bồ Tát đều biết, hoặc bạn có niềm tin chân thật hoặc nửa tin nửa ngờ, hoặc nghi nhiều hơn tin, Bồ Tát đều biết. Bạn muốn đắc được thành tựu này thì phải có tín tâm. Bạn muốn cát tường thì phải có tín tâm. Bạn cầu việc gì, ví như cha bị bệnh, bạn muốn cho cha hết bệnh, bạn tụng Chú, song bạn phải có tâm tin chân thật thì tụng mới có cảm ứng. Hoặc bạn có người bạn tốt nhất, rất lâu chưa gặp lại, bạn hy vọng gặp lại người bạn đó mà bạn tụng Chú này một cách thành tâm thì cũng sẽ được gặp lại. Hoặc là bạn chẳng có bạn trăm năm, bạn muốn có người bạn trăm năm tốt thì bạn cũng phải có tín tâm tụng trì Chú này, tụng lâu thì cũng sẽ được một người bạn tốt. Thậm chí bạn muốn được vị thiện tri thức cũng sẽ thành tựu.

Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "viên tịch". Khi vị Tỳ Kheo vãng sinh, Niết Bàn gọi là viên tịch, song viên tịch ở đây chẳng phải là chết. Vậy nếu tôi niệm Chú này tức là niệm chết, nghĩa là "Ta Bà Ha, Ta Bà Ha...!" Viên tịch, viên tịch tức là chết. Vậy tôi niệm có ý nghĩa gì ? Ai ai cũng chẳng muốn chết, tôi biết.

Chẳng phải như thế. Viên tịch ở đây là "công vô bất viên", công của bạn viên mãn; "đức vô bất tịch", đức hạnh cũng đến cực điểm, chẳng phải một số người biết được, chỉ có Phật Bồ Tát biết được đức hạnh của bạn.

Ý nghĩa thứ tư là "tiêu tai", tiêu trừ tai nạn.

Ý nghĩa thứ năm là "tăng ích": Tăng thêm lợi ích của bạn. Bạn niệm "Ta Bà Ha" thì lợi ích của bạn sẽ tăng thêm, đặc biệt có ích lợi đối với bạn.

Ý nghĩa thứ sáu tôi tin các bạn chẳng có ai biết. Nếu có người biết thì nói. Tại sao chẳng có ai biết ? Vì "Ta Bà Ha" này trước kia tôi chẳng nói qua, bây giờ bắt đầu giảng. Kỳ thật, tôi cũng đã giảng qua cho các vị nghe rồi, bắt quá các vị chẳng biết ở chỗ nào. Gọi là gì ? Gọi là "vô trụ", tức là "vô sở trụ", vô sở trụ ở trong "ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm" của Kinh Kim Cang. Vô sở trụ là gì ? Tức là chẳng trụ vào bất cứ cái gì, tức như thế nào cũng đều được. Đây là pháp vô vi. Vô vi mà vô bất vi ; vô trụ cũng là vô vi, vô vi cũng là vô trụ. Song vô trụ thân tâm, thân tâm cần phải vô trụ, đừng trụ ở nơi phiền não, đừng trụ ở nơi vô minh, đừng trụ ở nơi tâm tham. Chẳng phải trụ ở trong tâm sân, đừng trụ ở trong tâm si, đừng trụ ở trong tâm kiêu mạn, đừng trụ ở trong tâm nghi hoặc. Vô trụ là kêu bạn nếu có những thứ tâm này phải mau hàng phục nó. Hàng phục rồi tức là vô trụ. Dùng gì để hàng phục ? Tức dùng Bảo Kiếm Thủ Nhân vừa mới giảng. Bạn có thể nói như vậy: Bạn nói bạn có tâm tham chẳng? Tôi giết con ma tâm tham; có tâm sân chẳng? Tôi chém con ma tâm sân; có ma tâm si chẳng? Tôi giết con ma tâm si. Dùng kim cang vương bảo kiếm, tức cũng là kiếm trí huệ, hàng phục hết mọi thiên ma ngoại đạo này. Bạn muốn hàng phục thiên ma ngoại đạo thì trước hết phải hàng phục vọng tưởng của chính bạn. Nếu bạn hàng phục được vọng tưởng của bạn thì cũng sẽ hàng phục được thiên ma ngoại đạo. Nếu bạn không có vọng tưởng thì thiên ma ngoại đạo sẽ không đến; dù nó có đến cũng chẳng làm gì được. Đây là ý nghĩa thứ sáu của "Ta Bà Ha".

Những câu "Ta Bà Ha" dưới đây đều có sáu ý nghĩa này.

53.		Tát		Đà		Dạ.
54.		Ta		Bà		Ha.
55.	Ma	Ha	Tát	Đà		Dạ.
56.	Ta Bà Ha.					

"Tát Đà Dạ Ta Bà Ha, Ma Ha Tát Đà Dạ Ta Bà Ha": Hai câu này cũng đều là tiếng Phạn. "Tát Đà Dạ": Câu đầu dịch ra nghĩa là "thành tựu đốn cát", nghĩa thứ hai là "thành biện", nghĩa thứ ba là "thành lợi", nghĩa thứ tư là "thành nhất thiết nghĩa", tất cả nghĩa đều thành; ý nghĩa thứ năm là "sở cung tán thán".

"Thành tựu đốn cát" là gì ? Vì chúng ta nhờ sức lực của Chú này nên thành tựu vui mừng tất cả mọi việc; bạn vui mừng hoan hỉ điều gì thì sẽ được điều đó. Có người nói : "Vậy tôi cũng niệm Chú Đại Bi này, tại sao tức khắc chẳng được?". Niệm ở đây phải cần công phu tương ứng. Công phu của bạn chẳng tương ứng, cho nên chẳng thành tựu, nếu tương ứng thì sở cầu của bạn sẽ như ý, sở nguyện toại tâm. Cho nên gọi là "thành tựu đốn cát". Còn gọi là "thành biện", bạn làm việc gì thì sẽ được kết quả viên mãn. Còn gọi là "thành lợi", hay thành tựu lợi ích của bạn. Còn gọi là "thành nhất thiết nghĩa", bất cứ việc gì đều có thể thành tựu. Còn "sở cung tán thán" là mọi người đều đến khen ngợi, đều nói bạn tốt. Đây là ý nghĩa "Tát Đà Dạ Ta Bà Ha".

Câu thứ hai "Ma Ha Tát Đà Dạ Ta Bà Ha". "Ma Ha": Chúng ta đều biết là "đại" (lớn). Ý nghĩa câu Chú này hay thành tựu những sự nghiệp lớn của bạn, thành tựu những công đức lớn, thành tựu đạo nghiệp lớn; hết thảy mọi việc gì cũng đều thành tựu rất lớn.

Hai câu Chú này hợp lại gọi là "Bảo Kinh Thủ Nhãn"; bảo Kinh tức là một bộ Kinh điển quý báu, tức cũng là Pháp bảo. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn sẽ đắc được lợi ích vô cùng vô tận. Bảo Kinh Thủ Nhãn này là Thủ Nhãn thứ ba mươi bảy trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì tương lai trí huệ của bạn có một sức trí nhớ đặc biệt tốt vô cùng.

Nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ nghe rộng nhớ tốt, cũng là quảng học đa văn. Ngài A Nan là người đa văn bậc nhất. Chắc chắn Tôn Giả A Nan đã tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này rất viên mãn trong vô lượng kiếp trong quá khứ, cho nên một khi lọt qua tai thì vĩnh viễn không quên, thậm chí chẳng lọt qua tai mà Ngài đều có thể nghĩ lại. Tôn Giả A Nan sinh ra cùng ngày Đức Phật thành đạo, hai mươi tuổi xuất gia, vậy hai mươi năm trước khi Tôn Giả chưa xuất gia, Đức Phật thuyết pháp, Tôn Giả A Nan không có nghe qua, tại sao Ngài lại kết tập tất cả Kinh điển? Vì những Kinh điển trước kia Ngài chưa nghe qua thì chính Đức Phật thuật lại cho Tôn Giả nghe, cho nên Tôn Giả hoàn toàn nhớ hết Kinh điển của Phật nói. Sở dĩ Tôn Giả có sức nhớ rất tốt, chắc chắn Tôn Giả đã từng tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này viên mãn mới có trí nhớ tốt như thế.

Có người hỏi tôi : " Làm thế nào có sức trí nhớ ?". "Bạn phải tu Bảo Kinh Thủ Nhãn này, nếu bạn tu Bảo Kinh Thủ Nhãn thì sẽ có sức trí nhớ, thì sẽ có năng lực đa văn".

Chúng ta ai nhớ Kinh này rất rõ ràng thì đại khái đều có duyên với Bảo Kinh Thủ Nhãn này.

Trong họa đồ thì thấy trong tay Bồ Tát phóng quang cầm cây cờ, bạn thấy toàn thân Bồ Tát đều phóng đại quang minh. Phóng quang cũng là biểu thị bạn khai mở đại trí huệ, trí nhớ của bạn rất tốt, đa văn, học rộng.

57. Tát Đà Du Nghệ.

58. Thất Bà La Dạ.

59. Ta Bà Ha.

"Tát Đà" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "thành tựu lợi ích". "Du Nghệ" dịch ra nghĩa là "vô vi", cũng gọi là "hư không".

"Thất Bà La Dạ" dịch ra nghĩa là "tự tại". Đây là "Bảo Khiếp Thủ Nhân", là Thủ Nhân thứ hai mươi hai. Ý nghĩa của câu Chú này là trong tự tính lý thể của bạn tự tại thành tựu tất cả công đức.

60. Na La Cẩn Trì.

61. Ta Bà Ha.

"Na La Cẩn Trì" dịch ra nghĩa là "ái hộ", tức là ái hộ tất cả chúng sinh, nghĩa cũng là từ bi. Câu này là "Bảo Bình Thủ Nhân".

62. Ma La Na La.

63. Ta Bà Ha.

"Ma La Na La" là tiếng Phạn. "Ma La" dịch ra nghĩa là "như ý". 'Na La' nghĩa là "tôn thượng", tối tôn tối thượng.

Đây là "Quyên Tô Thủ Nhân", nếu có chuyện gì không an thì có thể khiến cho bạn được bình an. Không an là gì? Ví như có bệnh, hoặc có chuyện gì không an, có chướng ngại gì, đó là những chuyện không an.

Quyên Tô Thủ này có rất nhiều hữu dụng. Ở trong Phật giáo gọi là Quyên Tô Thủ Nhân, ở trong Đạo giáo gọi là "khôn tiên thừng" dùng chỉ ngũ sắc làm sợi dây thừng. Bạn tu Thủ Nhân này thành công, bạn phóng dây thừng ra thì yêu ma quỷ quái, lị mị vọng lượng đều bị trói chặt; bị trói không thể đi được thì chúng phải đầu hàng bạn.

"Ta Bà Ha" cũng giống như nghĩa đã giảng ở trên.

64. Tất La Tăng A Mục Khê Gia.

65. Ta Bà Ha.

"Tất La Tăng A Mục Khê Gia" là tiếng Phạn. Ý nghĩa của câu Chú này phải chia ra để dịch. "Tất La Tăng", nghĩa là "thành tựu, ái hộ", ái hộ tất cả chúng sinh.

"A Mục Khê Gia", dịch ra nghĩa là "bất không, bất xả". Bất không tức là có (hữu), Song có ở đây là diệu hữu. Bất xả tức là không bỏ một pháp nào; không bỏ pháp nào mà phải học tất cả các pháp. Cho nên nói: "Phật sự môn trung bất xả nhất pháp, chân như lý thượng bất lập nhất trần", tức là ý nghĩa này. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "ái chúng hòa hợp", ái hộ tất cả chúng sinh, hòa hợp với nhau. Thủ Nhân này là "Việt Phủ Thủ Nhân".

"Việt Phủ Thủ Nhãn", hay lìa khỏi tất cả hoạn nạn trong hoàng cung. Bạn tu pháp này thì không bị vương pháp câu thúc, mọi thời mọi nơi đều lìa khỏi hoạn nạn hoàng cung, chẳng có tai nạn ngục tù. Tai nạn ngục tù tức là phạm pháp bị ở tù. Có phải tu pháp này thì phạm pháp cũng không ngồi tù chẳng ? Không phải, căn bản thì bạn sẽ không phạm pháp. Vì bạn tu pháp này thì bạn minh bạch Phật pháp, bạn đâu có phạm pháp. Cho nên bạn không phạm pháp thì đương nhiên chẳng có hoạn nạn hoàng cung. Vậy có người không phạm pháp cũng có hoạn nạn hoàng cung, đó là vì chẳng tu "Việt Phủ Thủ Nhãn" này.

66. Ta Bà Ma Ha A Tát Đà Dạ.

67. Ta Bà Ha.

"Ta Bà": Các bạn đều biết, thế giới này gọi là thế giới "Ta Bà". "Ta Bà" dịch ra nghĩa là "kham nhẫn", còn có nghĩa nữa là "nhẫn ái", còn có ý nghĩa nữa là "thiện thuyết, thiện đạo", có ba ý nghĩa.

Kham nhẫn, ý nói chúng ta chúng sinh hay kham nhẫn chịu đựng thống khổ của thế giới Ta Bà. Sự khổ ở thế giới Ta Bà này quá nhiều, hay nhẫn khổ mà sinh ra tâm thương yêu. 'Thiện thuyết, thiện đạo' : Ý nói bạn cho thế giới Ta Bà này quá tốt, vẫn đến thế giới Ta Bà để làm người.

"Ma Ha": Là pháp đại thừa; pháp đại thừa là pháp Bồ Tát.

"A Tát Đà Dạ" dịch ra nghĩa là "vô lượng thành tựu", thành tựu chẳng có số lượng. Nghĩa là nói pháp Bồ Tát đại thừa cứu kính đạt đến bờ bên kia, vô lượng sự thành tựu.

Thủ Nhãn này là gì ? Là "Bồ Đào Thủ Nhãn". Nếu bạn tu thành tựu Bồ Đào Thủ Nhãn này thì trong miệng của bạn luôn luôn có vị ngọt giống như ăn bồ đào (nho), thậm chí còn ngọt hơn nho, hơn đường. Khi bạn tu pháp này thì bạn sẽ cảm giác trong miệng có một mùi vị ngọt, đây là sự tương ứng đầu tiên có cảm giác này. Nếu bạn trồng tất cả rau cỏ ngũ cốc, hết thấy các thứ thực vật trong vườn, nếu bạn tu Bồ Đào Thủ thì tất cả sâu bọ sẽ không ăn hoặc phá hoại mùa màng của bạn làm. Bạn tu Thủ Nhãn này thì sâu bọ sẽ bỏ chạy đi. Bạn tu pháp này thì những cây ăn trái mà bạn trồng như táo, lê, mận, ổi... đặc biệt trái rất mau chín, cũng có một vị ngọt đặc biệt. Cho nên Bồ Đào Thủ này cũng rất hữu dụng, vô lượng pháp đại thừa đều sẽ thành tựu.

"Tất La Tăng A Mục Khê Gia Ta Bà Ha": Ở trên là bản thân Dược Vương Bồ Tát, Ngài dùng đủ thứ thuốc để chữa trị đủ thứ bệnh cho chúng sinh. Còn câu Chú "Ta Bà Ma Ha A Tát Đà Dạ Ta Bà Ha" này là bản thân của Bồ Tát Dược Thượng. Ngài cũng dùng đủ thứ loại thuốc để vì chúng sinh chữa trị tất cả bệnh tật.

68. Giả Cát La A Tát Đà Dạ.

69. Ta Bà Ha.

"Giả Cát La A Tát Đà Dạ, Ta Bà Ha": Cũng là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "kim cang luân". Kim cang luân tức cũng là một thứ kim cang bát triết la hình tròn. Còn có một ý nghĩa là "hàng phục oán ma", hay hàng phục tất cả oán ma. Oán là có tâm oán hận. Tại sao họ phải làm ma ? Vì trong tâm của họ có khí bất bình, cho rằng việc của Phật làm cũng không đúng, việc Bồ Tát làm cũng không đúng, việc A La Hán làm cũng không đúng, việc của chư Thiên làm cũng không đúng, việc vua Diêm Vương làm cũng không đúng, việc gì chúng cũng đều phản đối, cũng đều oán hận, chúng nhìn tất cả đều không đúng. Cho nên chúng giống như người bệnh cuồng, cũng chẳng màng đến quốc pháp, gia pháp, thế gian pháp, chẳng màng đến bất cứ những gì. Chúng ở thế gian chuyên môn hoành hành, chẳng kiêng nể ai. Ở trong loài người gọi là người điên cuồng, ở trong quỷ thân gọi là ma. Oán ma này có luồng oán khí xung thiên : "Các vị đều khinh tôi, đối với tôi không tốt, cho nên tôi phải đả đảo các ngươi. Phật tôi cũng đả đảo; Bồ Tát tôi cũng đả đảo, La Hán tôi cũng đả đảo, tất cả mọi người tôi đều phải ăn họ". Có luồng oán khí : "Tất cả quỷ, tôi đều giết chết hết". Gặp con quỷ nào thì giết con quỷ đó. Cho nên thứ ma này lợi hại như thế.

Pháp này gọi là "Bạt Triết La Thủ", Bạt Triết La Thủ Nhãn dùng kim cang luân này hàng phục được tất cả thiên ma ngoại đạo và lị mị vọng lượng. Bất cứ ma quỷ gì, bạn dùng kim cang luân này tát pháp thì chúng đều lão thực, đều cúi đầu đánh lễ bạn, nói : " Hay lắm, tôi sẽ giữ gìn quy cụ, tôi không dám phạm quy cụ nữa", chúng sẽ đầu hàng bạn. Đây là Bạt Triết La Thủ, chẳng những hàng phục được mà còn có âm thanh. Ở trong Đạo giáo thì có "ngũ lôi oanh đỉnh". Song trong Đạo lão họ có 'chương tâm lôi'. Nếu chương tâm lôi, dùng tay để chương thì có thể có tiếng sấm xuất hiện, tiếng sấm này có thể chấn giữ thiên ma ngoại đạo. Thậm chí tiếng lôi này đến thân thể thì bổ nát thân thể ra. Lúc tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi có nói tôi có người bạn có chương tâm lôi, chương tay này có tiếng sấm. Đây là pháp thuật ở trong Đạo giáo. Trong Phật giáo cũng có, tức là Bạt Triết La Thủ Nhãn này, đây là chương tâm lôi của Phật giáo. Bạn tu thành Thủ Nhãn này, tu pháp này thành công thì có tiếng sấm, hàng phục được tất cả oán ma.

"A Tát Đà Dạ" dịch ra nghĩa là "vô tỉ thành tựu", chẳng gì sánh bằng, công đức thành tựu này quá lớn, cho nên mới hàng phục được tất cả oán ma.

70. Ba Đà Ma Yết Tát Đà Dạ.

71. Ta Bà Ha.

"Ba Đà Ma" là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "hồng liên hoa", "Yết" nghĩa là "thiện thắng", thắng hết tất cả. Hồng liên hoa (hoa sen đỏ) này thắng hết tất cả, thành tựu tất cả. Hồng Liên Hoa Thủ là Thủ Nhãn thứ hai mươi lăm. Khi bạn tu Hồng Liên Hoa Thủ Nhãn này mà bạn muốn sinh lên cõi trời thì rất dễ dàng sinh về cõi trời; bạn muốn sinh về cõi trời nào thì cũng dễ dàng sinh về cõi đó.

72. Na La Cẩn Trì Bà Già La Gia.

73. Ta Bà Ha.

"Na La Cẩn Trì" : Dịch ra nghĩa là "hiền thủ". Hiền là Thánh Hiền. Thủ là thủ hộ.

"Bà Già La Gia": Dịch ra là "Quán Tự Tại", "Quán Thế Âm", còn gọi là "phóng quang".

Thủ Nhãn này là "Thí Vô Úy Thủ Nhãn". Thí Vô Úy Thủ Nhãn này là Bồ Tát Quán Thế Âm dùng để cứu hộ tất cả chúng sinh, bất cứ lúc nào, ở đâu cũng đều không sợ hãi, không sợ tất cả cảnh giới khủng bố.

74. Ma Bà Lợi Thắng Yết La Gia.

75. Ta Bà Ha.

"Ma Bà Lợi Thắng": Là tiếng Phạn, dịch ra nghĩa là "đại dũng", tức là dũng mãnh tinh tấn. Còn có lối dịch khác là "anh hùng đức, đại anh hùng", đại anh hùng có đức hạnh. Ai có thể xưng là đại anh hùng ? Phật có thể xưng là đại anh hùng, Quán Thế Âm Bồ Tát có thể xưng là đại anh hùng.

"Yết La Gia" dịch là "sinh tính", và dịch là "bổn tính". Ý nói bổn lai tự tính của tất cả chúng sinh đều có đại anh hùng đức hạnh. Đại anh hùng đức hạnh tức là "Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ Nhãn". Thủ Nhãn này hàng phục được tất cả ma oán trong ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng những hàng phục được ma oán ở thế giới này của chúng ta mà còn hàng phục được ma oán trong ba ngàn thế giới. Chúng ta tu 42 Thủ Nhãn, quan trọng nhất là "Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ", khi bạn tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ thì bốn mươi một Thủ Nhãn kia cũng đều bao quát ở trong đó. Bạn nói, vậy chúng ta chỉ tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ này thôi, có được chăng ? Nếu bạn lười biếng thì cũng có thể được. Tại sao ? Nếu bạn không lười biếng thì bốn mươi một Thủ Nhãn kia cũng nên tu luôn. Nếu bạn lười biếng, nói rằng tôi muốn tu thành một Bồ Tát lười thì chỉ tu Tổng Nhiếp Thiên Trí Thủ này thôi, cũng bao quát hết bốn mươi một Thủ Nhãn kia ở trong đó, cũng được, bất quá thành công chậm hơn một chút. Tại sao ? Vì bạn lười biếng. Bạn lười nên pháp này cũng không thành tựu sớm được. Nếu bạn

không muốn thành một Bồ Tát lười thì đừng sợ phí việc, tu nhiều pháp một chút thì tốt.

76. Nam Mô Hắc La Đát Na Đa La Dạ Gia.

Câu này đã giảng giải rồi, tuy đã giảng rồi, nhưng có thể giảng lại. Vì có người vốn chưa nghe qua; có người đã nghe rồi mà quên mất không nhớ; có người thì nhớ mơ hồ, nhớ chẳng rõ ràng; có người nhớ rất rõ ràng, đừng ngại nghe thêm lần nữa thì rõ hơn một chút. Nếu tôi giảng sai thì các bạn có thể đề ra nói với tôi, vì tôi giảng Kinh chẳng giống như người khác, tôi chẳng ghi chép. Có khi tôi giảng Kinh, nếu khởi vọng tưởng thì sẽ giảng sai, hoặc có điện thoại gọi muốn đi nghe cũng sẽ giảng sai. Cho nên giảng Kinh không thể khởi vọng tưởng, cũng không thể tiếp điện thoại.

"Nam Mô" là "quy y". Quy y Tam Bảo. "Hắc La Đát Na" là "Bảo". "Đa La Dạ" là "Tam". Tức là thân tâm tính mạng của ta đều quy y Tam Bảo. Người tại gia phải quy y Tam Bảo, tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quy y Tam Bảo là tôi muốn đem thân tâm tính mạng đều quy y tận hư không biến pháp giới mười phương ba đời tất cả chư Phật, quy y tận hư không biến pháp giới mười phương ba đời tất cả Hiền Thánh Tăng.

Tận hư không, hư không đều cùng tận. Biến pháp giới tức là hết thảy pháp giới đều bao quát bên trong, tức là mười pháp giới. Mười pháp giới là pháp giới của Phật, pháp giới của Bồ Tát, pháp giới của Thanh Văn, pháp giới của Duyên Giác, pháp giới của Trời, pháp giới của người, pháp giới của A tu la, pháp giới của súc sinh, pháp giới của ngạ quỷ, pháp giới của địa ngục.

Mười phương là đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc; trên và dưới cộng lại là mười phương. Ba đời là đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai. Quy y mười phương ba đời tận hư không biến pháp giới tất cả Phật Bảo. Pháp Bảo tức là Tam Tạng Kinh điển mười hai bộ, tất cả Kinh điển của Phật nói ra. Pháp Bảo chẳng phải chỉ ở nhân gian của chúng ta có mà tận hư không biến pháp giới đều có. Nếu bạn khai mở ngũ nhãn lục thông thì bạn chân chánh niệm Kinh, niệm "vô tự chân Kinh", niệm "Kinh không mở miệng", chẳng dùng miệng để niệm. "Tâm mê Pháp Hoa chuyên", tâm ngộ chuyên Pháp Hoa". Trong tận hư không biến pháp giới đều có Kinh điển của Phật nói. Nếu bạn khai mở ngũ nhãn lục thông thì lúc nào cũng đều có thể niệm vô tự chân Kinh, Kinh điển chẳng có chữ, đều ở trong hư không. "Vô tự chân Kinh" chẳng phải nói trong Kinh điển thật sự chẳng có chữ, mà là phàm phu nhìn chẳng thấy Kinh điển này có chữ, phàm phu nhìn không thấy Kinh này mà bạn nhìn thấy được. Bạn thấy ở trong hư không mỗi nơi đều có chư Phật đang ở đó tụng Kinh, đọc Kinh. Có vị đọc "Kinh Pháp Hoa", có vị đọc "Kinh Lăng Nghiêm", có vị đọc "Kinh Hoa Nghiêm", đều đang ở đó đọc Kinh, tụng Kinh, trì Chú, đọc "Chú

Lăng Nghiêm", rất bận rộn những khóa lễ. Đó là tận hư không biến pháp giới đều có Pháp Bảo.

Vậy còn quy y tận hư không biến pháp giới tất cả Hiền Thánh Tăng, ai là Hiền Thánh Tăng ? Tất cả đại Bồ Tát, đại A La Hán, đại Tỳ Kheo Tăng đều là Hiền Thánh Tăng.

"Gia": Tức là đánh lễ, chúng ta quy y Tam Bảo phải đánh lễ Tam Bảo.

77. Nam Mô A Lị Gia.

"Nam Mô": Vẫn là quy y. "A Lị Gia": Tức là Bậc Thánh. Bậc Thánh tức là Thánh Hiền, quy y tất cả Thánh Hiền.

78. Bà Lô Yết Đế.

"Bà Lô Yết Đế" dịch ra là "Quán".

79. Thước Bà La Dạ.

"Thước Bà La Dạ": Là "Tự Tại"; Bà Lô Kiết Đế Thước Bà La Dạ, nghĩa là "Quán Tự Tại".

80. Ta Bà Ha.

Quán Tự Tại thành tựu tất cả công đức, "Ta Bà Ha": Tức là thành tựu tất cả công đức.

81. Án Tất Điện Đô.

"Án": Tức là dẫn đến Kinh văn và Chú dưới đây. Đây là "dẫn sinh nghĩa". "Án", ở đây nói là dẫn sinh nghĩa, vì Chú nói ở trước đã xong. Đây là một ý nghĩa của Chân ngôn.

"Tất", là thành tựu ; "Điện Đô" là "ngã giới", thành tựu ngã giới, thành tựu sự kiết giới của tôi. Chỗ tôi kiết giới vuông tròn tám trăm do tuần. Ở trong phạm vi tám trăm do tuần của tôi đều bình an vô sự, đây là kiết giới lớn, kiết giới vừa khoảng sáu trăm do tuần. Kiết giới nhỏ khoảng bốn trăm do tuần. Ở trong phạm vi tám trăm do tuần của tôi tất cả mọi người đều bình an vô sự, thành tựu tất cả công đức chỗ tôi kiết giới, tức cũng là tất cả nguyện vọng. Ví như tại Tam Phan Thị (San Francisco) tôi kiết thượng giới, ở trong sự kiết giới của tôi, không cho phép động đất, không cho phép có tai nạn lớn. Vì ở trong chỗ tôi kiết giới, hộ pháp thiện thần đều phải thành tựu nguyện lực của tôi.

Vậy tôi kết giới ở tại Tam Phan Thị (San Francisco) rộng lớn cỡ nào ? Lớn cỡ một hạt bụi. Song một hạt bụi của tôi cũng bao quát vô lượng hạt bụi ; vô lượng hạt bụi tức cũng là một hạt bụi. Cho nên nếu hạt bụi này hư hoại, thì tất cả hạt bụi cũng hư hoại, nếu hạt bụi này không hư hoại thì tất cả những hạt bụi kia cũng không hư hoại, đó là chỗ tôi kết giới.

82. Mạn Đa La.

"Mạn Đa La": Tức là "đạo tràng", còn gọi là "pháp hội", tức là đạo tràng của tôi đây chắc chắn phải thành tựu, pháp hội của tôi đây chắc chắn phải viên mãn.

83. Bạt Đà Gia.

"Bạt Đà Gia": Nghĩa là gì ? Tức là "toại tâm viên mãn". Ví như tôi muốn hạt bụi của tôi đây không hư hoại thì nó không hư hoại. Tôi muốn tất cả những hạt bụi không hư hoại thì tất cả những hạt bụi được toàn vẹn. Tôi niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" này, hy vọng Tam Phan Thị (San Francisco) chẳng có động đất, nếu có động đất thì động đất lớn sẽ biến thành nhỏ, nhỏ sẽ biến thành chẳng có. Chẳng có thì mọi người chẳng sợ. Đó gọi là toại tâm viên mãn; bạn muốn gì thì thành tựu cái đó. Nếu bạn tin thì có sự diệu như thế; còn nếu bạn không tin thì bạn chẳng muốn đắc được sự diệu đó.

84. Ta Bà Ha.

"Ta Bà Ha", tức là "thành tựu"; thành tựu gì ? Thành tựu nguyện vọng của bạn, thành tựu việc bạn thích. Bất cứ bạn hoan hỉ điều gì, nếu bạn niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" thì sẽ thành tựu.

Do đó khi người xuất gia xuống tóc đi tu thì niệm "Án Tất Điện Đô Mạn Đa La Bạt Đà Gia Ta Bà Ha". Tức cũng là tất cả đều viên mãn, tất cả đều thành tựu, tất cả đều như ý cát tường.

Đã giảng xong Kinh Đại Bi Đà La Ni và Chú Đại Bi, đến đây chấm dứt. Phần sau 42 Thủ Nhãn của Kinh Đại Bi Đà La Ni đã giảng rồi lúc trước, không cần phải giảng nữa. Phần sau là khoa hạnh nghi, đó là phương pháp tu hành cũng không cần giảng lại.

Năm vừa rồi do Quả Địa phát tâm muốn nghe Kinh Đại Bi Đà La Ni, trải qua thời gian gần một năm, nay mới giảng xong, viên mãn kết thúc. Tôi cũng hy vọng các vị muốn điều gì thì đều toại tâm mãn nguyện, đều có thể "Bạt Đà Gia Ta Bà Ha"; "Bạt Đà Gia Ta Bà Ha" là toại tâm mãn nguyện, thành tựu nguyện lực của bạn. Nguyện lực của mỗi người khác nhau, cho nên thành tựu cũng khác nhau. Tôi cũng có một nguyện vọng, tôi hy vọng người nào nghe qua Kinh Đại Bi Đà La Ni thì sớm thành Phật đạo. Vì tôi là người tin Phật nên hoan hỉ mọi người thành Phật.

Nếu bạn thành Phật thì đó là toại tâm mãn nguyện; khi chưa thành Phật thì vẫn chưa toại tâm mãn nguyện.